

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá của quốc gia; là tư liệu sản xuất đặc biệt, giới hạn về diện tích, hình thể nhưng mức độ sản xuất lại phụ thuộc vào sự đầu tư, hướng khai thác sử dụng của con người. Đất đai, thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, địa bàn phân bố và nơi diễn ra mọi hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh và quốc phòng.

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013 tại Chương III Điều 54 quy định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Luật đất đai năm 2013 (Chương IV) khẳng định rõ nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai theo ngành, theo cấp lãnh thổ hành chính và được cụ thể hóa tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, của các cấp, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được tiến hành nhằm xác định diện tích các loại đất đã được phân bổ trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch, đồng thời xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án và xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép theo quy định trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Thực hiện Công văn số 2758/STNMT-QHKHSDD ngày 29/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện. UBND huyện Đắk Tô đã tiến hành lập “**Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô**”.

1. Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

1.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ về quản lý và sử dụng đất lúa;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐCP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

- Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính Phủ về việc đẩy mạnh công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp;

- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020.

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ tài chính Quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Chỉ thị 364/CT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ);

- Thông báo số 219/TB-VPCP ngày 23/8/2021 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác quy hoạch;

- Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

- Nghị Quyết số 66/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 và các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 09/01/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt điều chỉnh kết quả rà soát quy hoạch 03 loại rừng và chi tiết địa danh, diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp theo chức năng 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum được thực hiện theo Chỉ thị số 38/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ rà soát quy hoạch 03 loại rừng (phòng hộ, đặc dụng và sản xuất).

- Quyết định 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định 1343/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh diện tích ba loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Đắk Tô.

- Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum.

- Công văn số 1914/UBND-NNTN ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về việc nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện về việc nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và Luật Lâm nghiệp khi tham mưu giải quyết hồ sơ về thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thực hiện dự án đầu tư;

- Công văn số 2440/UBND-HTKT ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai các thủ tục thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 2889/UBND-NNTN ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 22/CT-TTG ngày 11/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 3460/UBND-NNTN ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Kon Tum về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030;

- Công văn số 2758/STNMT-QHKHSDD ngày 29/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tổ chức thẩm định và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện.

- Thông báo thẩm định số 56/TB-HĐTĐ ngày 22/3/2022 của Hội đồng thẩm định quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất thông báo kết quả thẩm định kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Tô.

- Nghị Quyết số 223/2021/NQ-HĐND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Tô về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất thời 2021-2030 huyện Đắk Tô.

- Nghị quyết số 07/NQ-DH ngày 12/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đắk Tô lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Công văn số 1092/UBND-KTTH, ngày 30/9/2021 của UBND huyện Đắk Tô về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện;

1.2. Những tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ

- Nhu cầu sử dụng đất trong năm kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, của các cấp;

- Nghị quyết đại hội Đảng Bộ huyện Đắk Tô;

- Số liệu thống kê đất đai huyện Đắk Tô qua các năm;

- Báo cáo tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng huyện Đắk Tô qua các năm;

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đắk Tô;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm năm 2019 huyện Đắk Tô;

- Số liệu thống kê đất năm 2021 huyện Đắk Tô;

- Niên giám thống kê năm 2020 huyện Đắk Tô;

- Bản đồ địa chính, bản đồ đất lâm nghiệp các tỷ lệ đã được đo vẽ qua các năm ở các xã, thị trấn;

- Các tài liệu, số liệu khác có liên quan.

2. Mục tiêu lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

- Xác định diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch;

- Xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn;

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đối với các loại đất phải xin phép quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Cấu trúc của báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô

Báo cáo gồm các mục sau:

- I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;
- II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước;
- III: Lập kế hoạch sử dụng đất;
- IV: Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
- Kết luận và kiến nghị;
- Biểu số liệu.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Đắk Tô là một huyện miền núi phía Tây Bắc tỉnh Kon Tum, bao gồm 09 xã, thị trấn (*Diên Bình, Pô Kô, Tân Cảnh, Kon Đào, Ngọc Tụ, Đắk Rơ Nga, Đắk Trăm, Văn Lem và thị trấn Đắk Tô*), cách thành phố Kon Tum khoảng 42 km, cách cửa khẩu Bờ Y khoảng 39 km.

Tọa độ địa lý từ 14°31'21" đến 14°50'52" độ vĩ Bắc và từ 107°41'51" đến 107°56'08" độ kinh Đông; vị trí địa lý của huyện tiếp giáp với các đơn vị hành chính như sau:

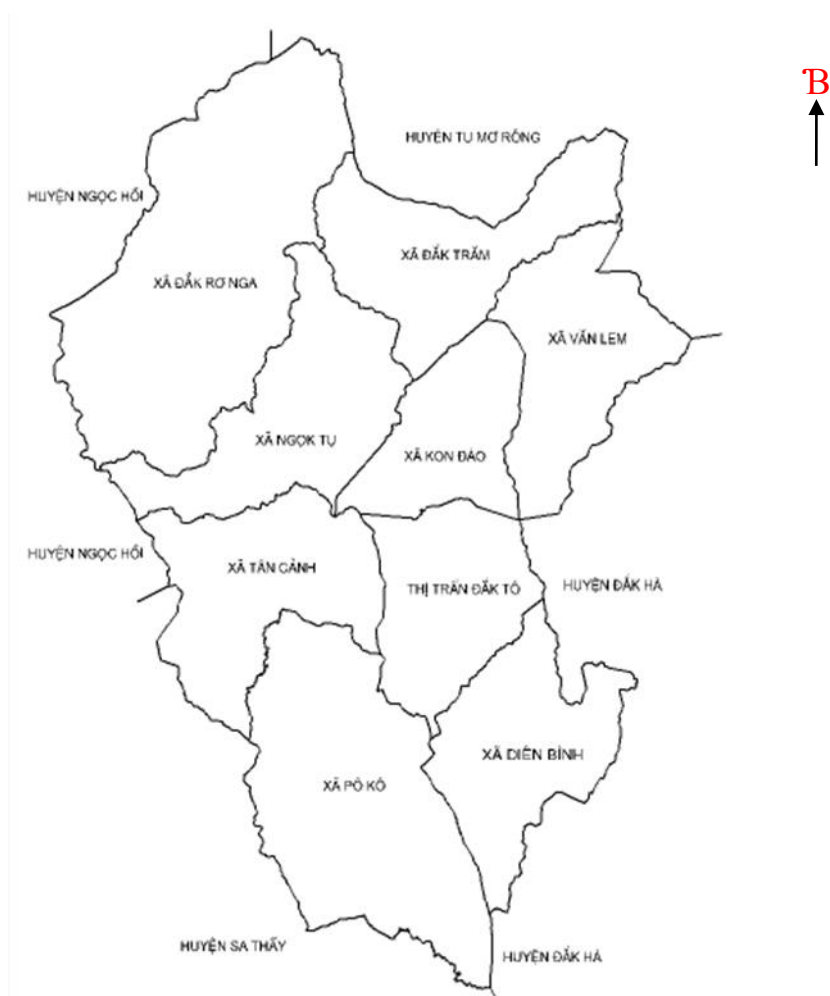
- Phía Nam giáp huyện Sa Thầy và huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum;
- Phía Bắc giáp huyện Tu Mơ Rông và huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum;
- Phía Tây giáp huyện Ngọc Hồi và huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;
- Phía Đông giáp huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Đắk Tô có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng, hiện nay Quốc lộ 14 (Đường Hồ Chí Minh) được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, kết nối với các huyện

trong tỉnh cũng như các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh miền Trung và Nam Lào, Đông Bắc Campuchia đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao thương trên địa bàn. Khi tuyến đường QL.40B (Tam Kỳ - Trà My - Đắk Tô) hoàn thành và đưa vào sử dụng sẽ tạo điều kiện đưa Đắk Tô gần hơn với các khu vực kinh tế trọng điểm của miền Trung như: Đà Nẵng, Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế Nhơn Hội,..

Đắk Tô còn nằm trên địa thế trung chuyển của các vùng kinh tế trọng điểm tỉnh như Ngọc Hồi - Đắk Hà - Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y. Điều này sẽ góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển dịch vụ.

Ngoài ra, huyện Đắk Tô còn nằm trong tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam nên có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội và mở rộng hợp tác, hội nhập vào nền kinh tế quốc gia, quốc tế, mở rộng thị trường, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ, tạo việc làm và tăng thu nhập, đặc biệt là khu vực nông thôn.



Sơ đồ vị trí địa lý huyện Đắk Tô

1.1.2. Địa hình, địa mạo

Toàn bộ lãnh thổ của huyện nằm ở phía Tây Trường Sơn, có địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Phần lớn nằm trên dạng địa hình núi cao trung bình. Địa hình huyện Đắk Tô được chia thành hai dạng khá rõ rệt:

- Dạng địa hình tương đối bằng phẳng: Chạy dọc theo đường Hồ Chí Minh và tuyến đường tỉnh lộ 672. Địa hình khu vực này chiếm khoảng 18% tổng diện tích tự nhiên của huyện, phân bố ở trung tâm huyện và các xã lân cận. Do nằm trong lưu vực sông Pô Kô, nên địa hình có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam, độ cao trung bình khoảng 450-650 m so với mực nước biển. Đây là nơi tập trung sản xuất các loại cây trồng của huyện.

- Dạng địa hình dốc, núi cao: Tập trung một phần ở phía Nam và các xã phía Bắc của huyện, độ cao trung bình 800-900 m so với mực nước biển, đặc biệt ở khu vực các xã phía Bắc của huyện độ cao tương đối trên 1.200 m, có nơi cao đến 1.650 m, như đỉnh núi Ngok Loak, Ngok Bobar, độ dốc lớn, cấp 6 ($>25^\circ$).

1.1.3. Khí hậu

Huyện Đắk Tô nằm ở tiểu vùng khí hậu Tây Trường Sơn, thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa Tây Nguyên. Theo số liệu quan trắc của Trạm khí tượng Đắk Tô, đặc điểm khí hậu khu vực huyện Đắk Tô như sau:

- Nhiệt độ không khí:

Nhiệt độ trung bình: Chế độ nhiệt tại huyện Đắk Tô là chế độ nhiệt đới gió mùa cao nguyên, nhưng có sự phân hóa rõ rệt giữa các vùng theo độ cao, thông thường khi lên cao 100m, nhiệt độ không khí giảm từ 0,5-0,6°C. Do địa hình có độ cao thấp dần từ Đông Bắc - Tây Nam, nên nhiệt độ tại khu vực phía Tây Nam cao hơn khu vực Đông Bắc phổ biến từ 1-1,5°C. Nhiệt độ không khí tại huyện Đắk Tô thấp nhất vào tháng 12, tháng 1 (trung bình 19°C); đạt cao nhất vào tháng 3, 4, 5.

- Chế độ mưa:

Chế độ mưa tại khu vực huyện Đắk Tô phụ thuộc vào chế độ gió mùa và địa hình. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 05 đến tháng 10 là do tác động của gió mùa Tây Nam mang lại. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau do tác động trực tiếp của gió mùa Đông Bắc là mùa khô. Lượng mưa tại các khu vực có địa hình khác nhau cũng khác nhau. Tại khu vực Đông Bắc huyện, do có địa hình núi cao đón gió Tây Nam, do vậy lượng mưa lớn hơn phổ biến đạt trên 2.000 mm. Khu vực còn lại của huyện phổ biến là địa hình núi thấp, thung lũng, có độ cao 600-800m, có lượng mưa phổ biến là 1.900-2.000mm.

Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa chiếm khoảng 20% lượng mưa cả năm. Các tháng mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và có số ngày mưa phổ biến khoảng 15-20 ngày/tháng.

- Độ ẩm không khí:

Độ ẩm không khí phụ thuộc vào chế độ mưa, tháng mưa nhiều thì độ ẩm cao và ngược lại. Tại huyện Đắk Tô, khu vực Đông Bắc có địa hình núi cao, mưa nhiều, do vậy có độ ẩm lớn hơn khu vực phía Tây Nam huyện. Độ ẩm thấp nhất xảy ra vào tháng 3, phổ biến từ 72-73%, cao nhất xảy ra vào các tháng 7, 8, 9, 10; phổ biến là 89-90%.

- Số giờ nắng:

Các tháng mùa khô trời quang mây tạnh nên có số giờ nắng cao và ngược lại, các tháng mùa mưa do trời mưa, nhiều mây có số giờ nắng thấp. Tại khu vực Đông Bắc huyện do địa hình núi cao nên sương mù, mây nhiều do vậy có số giờ nắng thấp hơn (khoảng 2.000-2.100 giờ/năm), khu vực phía còn lại của huyện có số giờ nắng cao hơn (khoảng 2.100-2.200 giờ/năm).

1.1.4. Thủy văn

Huyện Đắk Tô có 3 hệ thống sông suối lớn và cũng là điểm hợp lưu của 3 hệ thống sông:

- Hệ thống sông Đắk Tô Kan: có diện tích lưu vực trong huyện lớn nhất, chiếm 1/2 diện tích toàn huyện. Sông này bắt nguồn từ dãy núi Ngọc Pang (Tu Mơ Rông), chảy theo hướng Bắc-Nam qua địa bàn các xã Văn Lem, Ngọc Tụ, Kon Đào và thị trấn Đắk Tô, nhập vào sông Đắk Pô Kô tại giáp ranh thị trấn với 02 xã Pô Kô và Tân Cảnh.

- Hệ thống sông Đắk Pô Kô: Có diện tích lưu vực chiếm 1/3 diện tích toàn huyện. Sông Pô Kô bắt nguồn từ dãy núi Đắk Drugok (Quảng Nam), chảy theo hướng Bắc - Nam qua địa bàn các huyện Đăkglei, Ngọc Hồi và địa bàn huyện qua các xã Ngọc Tụ, Tân Cảnh, Pô Kô, Đắk Rơ Nga.

- Hệ thống sông ĐắkPsi: Hạ lưu sông Đắk Psi chảy qua xã Diên Bình của huyện, lòng sông lớn, độ dốc sông nhỏ.

Nhìn chung, Đắk Tô có hệ thống suối lớn và cũng là hợp lưu của các con sông lớn này có khả năng bồi đắp phù sa rất cao.

1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Căn cứ vào một số kết quả điều tra, nghiên cứu về phân loại lập bản đồ đất tỉnh Kon Tum theo phân loại định lượng FAO-UNESCO, trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam – Bỉ (1997-2002) và căn cứ và kết quả điều tra bổ sung, nghiên

cứu phẫu diện đất điển hình trên địa bàn huyện Đắk Tô (2005-2006) của Viện Môi trường và Phát triển bền vững. Kết quả phân loại đất cho thấy toàn huyện có 3 nhóm đất chính: Nhóm đất phù sa, nhóm đất xám và nhóm đất đỏ vàng bao gồm 11 loại đất như sau:

- **Nhóm đất phù sa (P)**: diện tích 1.317 ha, chiếm 2,6% tổng diện tích đất toàn huyện. Đây là nhóm đất được hình thành do sản phẩm bồi tụ của sông suối lớn như sông Pô Kô, bao gồm 1 loại: đất phù sa giàu mùn, gley (P.hu.g), phân bố ở tất cả các xã trong huyện. Đất có hàm lượng các bon hữu cơ cao trong tầng đất mặt 50 cm và bị gley nhẹ ở tầng đất sâu do ảnh hưởng của nước ngầm. Toàn bộ diện tích đất có tầng dày trên 100cm, có độ dốc <math><8^\circ</math>. Đất phù hợp cho canh tác lúa nước hoặc nhiều loại cây hoa màu.

- **Nhóm đất xám (X)**: diện tích 17.616 ha, chiếm 34,9% tổng diện tích đất toàn huyện, phân bố ở tất cả các xã, bao gồm 7 loại đất:

+ Đất xám cơ giới nhẹ, đỏ vàng (X.a.cr): Diện tích 309 ha, chiếm 0,6% tổng diện tích đất toàn huyện. Đất được hình thành trên đá macma axit, phân bố ở xã Pô Kô và Văn Lem. Toàn bộ diện tích đất có tầng dày trên 100cm, độ dốc 8-15°. Tầng mặt 0-50cm có thành phần cơ giới cát pha, tầng đất có màu đỏ vàng, độ no bazơ thấp, dung tích cation trao đổi thấp. Đất phù hợp cho các loại cây hoa màu, cây ăn quả.

+ Đất xám rất chua (X.cn.h): Diện tích 417 ha, chiếm 0,8% tổng diện tích đất toàn huyện. Đất được hình thành trên đá macma axit, tầng đất dày trên 100cm, độ dốc <math><15^\circ</math>. Dung tích cation trao đổi thấp, độ no bazơ rất thấp. Loại đất này phù hợp cho nhiều loại cây hoa màu, cây ăn quả.

+ Đất xám rất chua, sỏi sạn nông (X.cn.sk1): Diện tích 53 ha; phân bố ở xã Ngọc Tụ. Đất được hình thành trên đá macma axit. Dung tích cation trao đổi thấp, độ no bazơ rất thấp, ở độ sâu 0-50cm từ mặt đất có tầng sỏi sạn tỷ lệ 40-90%. Toàn bộ diện tích đất có tầng dày đất mịn <math><30\text{cm}</math>, phân bố ở độ dốc 8-20°. Loại đất này phù hợp cho nhiều loại cây hoa màu.

+ Đất xám rất chua, sỏi sạn sâu (X.cn.sk2): Diện tích 111 ha; chiếm 0,2% diện tích đất toàn huyện, phân bố ở xã Ngọc Tụ. Đất được hình thành trên đá granitt. Dung tích cation trao đổi thấp, độ no bazơ rất thấp, ở độ sâu 50-100cm từ mặt đất có tầng sỏi sạn tỷ lệ 40-90%. Toàn bộ diện tích đất có tầng dày đất mịn >math>>50\text{cm}</math>, phân bố ở độ dốc 8-20°. Loại đất này phù hợp cho nhiều loại cây hoa màu.

+ Đất xám giàu mùn, tích nhôm (X.hu.nh): Diện tích 11.319 ha; chiếm 22,4% diện tích đất toàn huyện, phân bố ở tất cả các xã trong huyện, hình thành trên đá biến chất và đá macma axit. Dung tích cation trao đổi thấp, độ no bazơ rất thấp, hàm lượng mùn trong tầng mặt 0-50cm cao, trong tầng đất cái độ bão hoà nhôm

>50%. Toàn bộ diện tích đất có tầng dày đất mịn trên 100cm, nhưng phân bố ở độ dốc >25°. Loại đất này nên sử dụng cho mục đích lâm nghiệp.

+ Đất xám tầng mặt giàu mùn, rất chua (X.um.cn): Diện tích 3.973 ha, chiếm 7,9% diện tích đất toàn huyện, phân bố ở các xã Diên Bình, Pô Kô, Tân Cảnh và thị trấn Đắk Tô. Đất được hình thành chủ yếu trên phù sa cổ. Tầng mặt màu sẫm, dày trên 20cm, giàu mùn. Dung tích cation trao đổi thấp, độ no bazơ rất thấp. Dung tích hấp thu thấp. Hầu hết diện tích loại đất này có tầng dày trên 100cm, phân bố ở độ dốc <15°. Loại đất này phù hợp cho nhiều loại cây hoa màu, cây ăn quả, chè.

+ Đất xám tầng mặt, giàu mùn (X.um.h): Diện tích 1.435 ha, chiếm 2,8% diện tích đất toàn huyện, phân bố ở xã Diên Bình và Pô Kô. Đất được hình thành trên phù sa cổ. Tầng mặt màu sẫm, dày trên 20cm, giàu mùn, độ no bazơ thấp. Dung tích hấp thu thấp. Hầu hết diện tích loại đất này có tầng dày trên 100cm, phân bố ở độ dốc <15°. Loại đất này phù hợp cho nhiều loại cây hoa màu, cây ăn quả, chè.

- **Nhóm đất đỏ vàng (F):** Diện tích 31.485 ha, chiếm 62,4% diện tích đất toàn huyện. Đất đỏ vàng phân bố ở vùng đồi núi và các bậc thềm phù sa cổ; phân bố ở hầu hết các xã trong huyện. Nhóm này có 3 loại đất sau:

+ Đất đỏ vàng trên đá macma axit (Fa): Diện tích 9.936 ha, chiếm 19,7%. Đất đỏ vàng trên đá macma axit có ở tất cả các xã trong huyện. Nhìn chung đất có chất lượng rất kém. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, phần nhiều là cát và thạch anh, rất nghèo mùn, đạm, lân, kali. Tầng đất hữu hiệu mỏng và rất mỏng, phần lớn diện tích đất có tầng dày dưới 50cm. Đất có thành phần cơ giới cát pha đến thịt nhẹ. Tỷ lệ sét tăng theo chiều sâu phẫu diện, kết cấu viên, cục nhỏ. Tỷ lệ chất hữu cơ trong đất từ thấp đến trung bình.

+ Đất đỏ vàng trên phù sa cổ (Fp): Diện tích 4.842 ha, chiếm 9,6%. Đất hình thành trên mẫu chất phù sa cổ, nghèo kiềm và thường có thành phần cơ giới nhẹ tới trung bình, phân bố trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm nên khoáng sét đã bị biến đổi đáng kể. Quá trình rửa trôi sét và các cation kiềm thổ xảy ra mạnh mẽ, trong đất hình thành tầng tích tụ sét, có dung lượng trao đổi cation thấp và có bão hoà bazơ thấp.

+ Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất (F.S): Có diện tích lớn nhất trong các loại đất: 16.707 ha, chiếm 33,1%. Phân bố ở tất cả các xã trong huyện, tập trung nhiều ở xã Tân Cảnh, Kon Đào. Nhìn chung đất có thành phần cơ giới từ trung bình đến nặng, tỷ lệ sét cao trên 25%, cấu tượng tầng cục sắc cạnh, chặt, có biểu hiện gia tăng sét theo độ sâu chủ yếu, tỷ lệ sét ở tầng B so với tầng A đạt khoảng 1,5-2 lần. Đất thường chua, cation kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp, hàm lượng mùn, đạm trung bình, nghèo lân và nghèo kali.

Nhận xét chung về tài nguyên đất: Toàn huyện có 3 nhóm đất chính, trong đó nhóm đất đỏ vàng có diện tích lớn nhất (31.845 ha, chiếm 62,4%); tiếp đến là nhóm đất xám (17.616 ha, chiếm 34,9%) và cuối cùng là nhóm đất phù sa (1.317 ha, chiếm 2,6%). Đất có tầng dày >70-100cm toàn huyện chiếm 86,8%. Độ dốc phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp <15° chiếm 27% diện tích tự nhiên.

1.2.2. Tài nguyên nước

a) Tài nguyên nước mặt:

Lượng mưa trung bình từ 2.400 – 2.600 mm/năm, nên nguồn nước mặt rất lớn, nhưng 80% lượng mưa tập trung vào các tháng mùa mưa và hệ thống sông suối trên địa bàn huyện nhỏ, hẹp, có nhiều thác, ghềnh, sườn dốc đứng nên khả năng giữ nước hạn chế. Ngoài lượng nước được thấm vào đất và sẽ được giữ lại ở các ao hồ, đập ngăn nước, thì lượng nước này sẽ đổ vào các sông suối. Nước mưa là tài nguyên thiên nhiên vô cùng quan trọng đối với đời sống và sản xuất, vì vậy cần có các biện pháp quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên này để phục vụ các nhu cầu của con người và sản xuất.

Một số sông suối chính chảy trong địa bàn huyện bao gồm:

- Sông Đắk Pô Kô bắt nguồn ở vùng núi Tây Bắc Ngok Haye, ở địa đầu ranh giới Quảng Nam – Kon Tum, chảy xuống phía Nam, qua Đắk Sut và gặp sông Đắk Psi tại Diên Bình, đoạn chảy qua huyện trải dài trên 38 km.

- Sông Đắk Psi chảy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam, qua xã Diên Bình và đổ vào sông Pô Kô. Sông có chiều dài trên 60 km, diện tích lưu vực khoảng 315 km².

- Sông Đắk Tơ Kan bắt nguồn từ xã Đắk Tơ Kan qua xã Văn Lem, Kon Đào và thị trấn Đắk Tô rồi đổ vào sông Pô Kô. Chiều dài dòng chính khoảng 50 km, diện tích lưu vực khoảng 28 km².

- Sông Đắk Ronga bắt nguồn từ Ngok Tụ, chảy xuống Tân Cảnh rồi đổ vào sông Pô Kô. Chiều dài trên 14 km, diện tích lưu vực khoảng 80 km².

Ngoài các sông lớn, trên địa bàn huyện còn có nhiều suối nhỏ được phân bố khắp các xã như suối Đắk Rơ Nu, Đắk Mơ Ham, Đắk Sia, Đắk Tang... Tổng chiều dài suối qua địa bàn huyện khoảng 220 km.

b) Tài nguyên nước ngầm:

Mưa là nguồn cung cấp nước chính cho các nguồn nước ngầm ở tỉnh Kon Tum nói chung, huyện Đắk Tô nói riêng. Theo đánh giá và nghiên cứu cân bằng nước thì có khoảng 12,5-18% lượng nước mưa thấm xuống đất, trong đó có khoảng 8,5-9% bổ sung cho các tầng nước ngầm dưới đất.

Vì vậy, việc khai thác tài nguyên nguồn nước chủ yếu thông qua việc xây dựng các công trình, cụm công trình thủy lợi ĐắkGonGa – ĐắkRơNgat và khai thác mặt nước hồ thủy điện: Pleikrông, Đắk Rơ Sa, Đắk Rơ Sa 2.

1.2.3. Tài nguyên rừng

Huyện Đắk Tô hiện nay có khoảng 16.358,67 ha đất lâm nghiệp có rừng, chiếm 30,88% diện tích đất tự nhiên. Trong đó diện tích rừng sản xuất 13.908,37 ha, chiếm 85,02% diện tích đất lâm nghiệp; diện tích rừng phòng hộ 2.450,30 ha chiếm 14,98 % diện tích đất lâm nghiệp. Đặc điểm rừng huyện Đắk Tô có độ che phủ cao, thảm thực vật dày, do công tác bảo vệ, khoanh nuôi và trồng mới trên địa bàn huyện trong những năm qua thực hiện tương đối tốt. Rừng Đắk Tô có hệ động vật phong phú như bò tót, bò rừng, nhím..., hệ thực vật đa dạng như: dẻ, trầm, muông, thông, trắc, hương,... lâm sản phụ như song, mây...

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Theo quy hoạch vật liệu xây dựng tỉnh Kon Tum, cho thấy ở huyện có các loại khoáng sản như sau:

- Vàng gốc có ở các xã Pô Kô và khu vực Đắk Ri Peng, xã Tân Cảnh. Khu vực này đã giao cho Công ty TNHH Đắk Pi Pen khai thác quy mô nhỏ, tuy nhiên hiện nay đã ngừng hoạt động do giấy phép hết hạn.

- Đá xây dựng Granit ở xã Diên Bình, Kon Đào, Ngọc Tụ có chất lượng tốt và khả năng khai thác để sản xuất đá ốp lát, đá xây dựng, đá dăm rải đường trộn bê tông. Điểm mỏ tại mỏ Ngọc Tụ đã giao cho Công ty xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng thuộc Tổng công ty Xây dựng số 1 khai thác, các điểm mỏ khác chủ yếu phục vụ nhu cầu xây dựng tại chỗ và cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Sét gạch ngói ở xã Diên Bình, thị trấn Đắk Tô, trữ lượng khoảng 2,3 triệu m³, hiện đang khai thác gạch ngói thủ công.

- Suối nước nóng chảy qua mỏ lưu huỳnh ở Kon Đào, Ngọc Tụ.

- Cát, sỏi xây dựng: Đắk Tô có nhiều sông, suối nên nguồn cát sỏi ở đây khá phong phú, đang được các đơn vị kinh tế, các tổ hợp tác, các hộ cá thể khai thác.

1.2.5. Tài nguyên du lịch

Huyện Đắk Tô có tiềm năng về du lịch, gồm du lịch sinh thái và du lịch nhân văn. Trên địa bàn hiện có 15 điểm du lịch như di tích lịch sử chiến thắng Đắk Tô – Tân Cảnh đã được nhà nước công nhận, chứng tích nhà thờ Kon Hring (Diên Bình), các làng văn hóa truyền thống dân tộc Xơ Đăng với những lễ hội truyền thống có nét đặc trưng riêng. Ngoài ra, còn có nhiều phong cảnh đẹp hoang sơ, huyền bí như thác Đắk Lung cách thị trấn Đắk Tô khoảng 6km về

phía Bắc, gần đó là suối nước nóng Kon Đào, thác Đắk Chờ (Ngọc Tụ). Những tiềm năng du lịch này có khả năng hình thành các tour, tuyến du lịch sinh thái, nhân văn. Ngoài ra, Đắk Tô còn có thể là một điểm dừng chân của tuyến du lịch lữ hành từ Đông Bắc Thái Lan – Nam Lào – Kon Tum – Duyên hải miền Trung - Đông Nam Bộ qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

1.2.6. Tài nguyên nhân văn

Đắk Tô là tên gọi của dòng suối nước nóng trong vùng cư trú của đồng bào dân tộc Xê Đăng (dân tộc cư trú chính trên địa bàn huyện cùng với người Kinh). Trong tổ chức xã hội truyền thống, người Xê Đăng cư trú thành từng làng và tên làng thường gắn liền với tên gọi các con sông, con suối hay những quả đồi. Đắk Tô có truyền thống văn hoá lâu đời, phong phú và giàu bản sắc, các lễ hội văn hóa truyền thống, biểu diễn cồng chiêng, múa xoan, nghề truyền thống của người dân tộc bản địa được lưu truyền và phát huy tạo nên những bản sắc riêng đặc trưng cho khu vực Bắc Tây nguyên.

Ngoài dân tộc bản địa chính sinh sống trên địa bàn là Xê Đăng, huyện còn là nơi tập trung của các dân tộc phía Bắc di cư vào với những phong tục, tập quán văn hóa đa dạng. Sự giao thoa các nền văn hóa của các dân tộc trong huyện tạo nên những nét văn hóa đặc sắc, các dân tộc anh em cùng nhau sinh sống và hỗ trợ cho nhau trong việc gìn giữ và phát huy các truyền thống tốt đẹp, loại bỏ các hủ tục lạc hậu, xây dựng nên một nền văn hóa riêng của huyện.

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đắk Tô).

1.3. Phân tích hiện trạng môi trường

a/ Môi trường đất

Trong những năm gần đây, hóa chất bảo vệ thực vật được sử dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp, gia tăng cả về khối lượng và đa dạng về chủng loại. Hóa chất bảo vệ thực vật thường sử dụng như thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc diệt chuột và kích thích sinh trưởng. Trong đó, nhiều nhất vẫn là nhóm hợp chất lân hữu cơ, clo hữu cơ thuộc nhóm độc hại. Việc sử dụng liều lượng chưa đúng cộng với quy trình sử dụng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, việc bảo quản, quản lý cũng như xử lý thuốc, bao bì còn tùy tiện đã có ảnh hưởng không nhỏ tới sức khỏe cộng đồng và môi trường sống, đặc biệt là môi trường đất và nước.

Bên cạnh đó, diện tích rừng tự nhiên ngày càng có xu hướng bị thu hẹp, trong khi đó diện tích đất xây dựng, giao thông và thủy lợi, khu dân cư ngày càng tăng. Sự thay đổi diện tích quỹ đất này có ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống của người dân nông thôn trong huyện.

b/ Môi trường nước

- Nước ngầm: Ở huyện Đắk Tô khai thác nước ngầm phục vụ chủ yếu cho sinh hoạt, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cây công nghiệp dài ngày. Hiện nay, do nhu cầu phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất ngày càng tăng, bên cạnh sử dụng nguồn nước mặt thì việc khai thác và sử dụng nước ngầm là một nhu cầu bức thiết nên các hoạt động đào, khoan giếng tùy tiện không theo quy hoạch là yếu tố gây ảnh hưởng không nhỏ đến mực nước ngầm như hiện tượng mực nước ngầm bị tụt và hiện tượng chảy ngầm. Một nguyên nhân nữa cũng gây ảnh hưởng đến trữ lượng nước ngầm là do diện tích rừng đầu nguồn bị thu hẹp. Vì vậy, để đảm bảo nguồn nước ngầm phục vụ sinh hoạt và sản xuất, cần tăng cường công tác quản lý các hoạt động khai thác nước ngầm, cũng như việc quản lý bảo vệ và phát triển diện tích rừng đầu nguồn.

- Nước mặt: Do lượng mưa phân bố không đồng đều trong năm cũng như các hệ thống sông suối Đắk Tô có nhiều thác ghềnh, và suối nhỏ nên mực nước tại các lưu vực này có sự dao động cao, lưu lượng khá thấp về mùa nắng và khá cao về mùa mưa. Mặt khác, phần lớn các sông đều có hiện tượng tăng lưu tốc và lưu lượng dòng chảy vào mùa mưa, làm nước đục, dẫn đến tỷ lệ cát phù sa bồi lắng cao, tăng cường bồi đắp phù sa cho các khu vực dọc lưu vực.

- Nước thải: Nguồn nước thải từ các nhà máy chế biến, cơ sở tiểu thủ công nghiệp như các nhà máy chế biến cao su, nhà máy chế biến sắn,... xử lý chưa đạt chuẩn cũng đã làm ảnh hưởng đến môi trường. Kinh phí xử lý nước thải trong nhà máy, cơ sở công nghiệp chiếm rất lớn trong tổng vốn đầu tư, vì vậy các doanh nghiệp chỉ thực hiện công tác cam kết bảo vệ môi trường nhưng việc tiến hành đầu tư xử lý nước thải cũng như công tác xử lý nước thải từ các cơ sở chế biến, nhà máy thường là chậm, cầm chừng, xả thải nước thải chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn vào môi trường, làm gia tăng việc ô nhiễm môi trường tại các khu vực xung quanh, đặc biệt là các nguồn sông, suối tiếp nhận nước thải. Vì vậy, cần có biện pháp kiểm soát và xử lý nghiêm các hoạt động xả thải nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện.

c/ Môi trường không khí

Đối với các cơ sở sản xuất: Hiện nay tại nhiều cơ sở sản xuất, nhất là cơ sở sản xuất tư nhân, công nghệ sản xuất nói chung còn lạc hậu, quy mô sản xuất nhỏ, mức đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường thấp nên đã có ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí khu vực. Môi trường không khí chủ yếu bị ô nhiễm bụi, nhất là xung quanh các cơ sở sản xuất, chế biến cao su, chế biến đá, chế biến sắn.

Đối với hoạt động giao thông vận tải: chủ yếu là gây ô nhiễm bụi và một số ít khí thải sản sinh do các phương tiện giao thông (xe máy, xe cơ giới) tham gia

giao thông trên các trục đường, đặc biệt là những nơi có mật độ giao thông đông đúc, những đầu mối giao thông, nơi có các trục đường chính giao nhau.

Đối với tiếng ồn: Với tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, sự phát triển của các cơ sở dịch vụ, thương mại và sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều là nguyên nhân gây ra ô nhiễm tiếng ồn, trong đó, sự gia tăng của phương tiện giao thông vận tải là nguyên nhân chính.

1.4. Đánh giá chung

- Đắk Tô có Quốc lộ 14 (Đường Hồ Chí Minh) được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, kết nối với các huyện trong tỉnh cũng như các tỉnh Tây Nguyên, các tỉnh miền Trung và Nam Lào, Đông Bắc Campuchia đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao thương trên địa bàn.

- Đắk Tô nằm trên vị trí trung chuyển của các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh như Ngọc Hồi - Đắk Hà - Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y. Điều này sẽ góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa, phát triển dịch vụ. Ngoài ra, huyện Đắk Tô còn nằm trong tam giác phát triển Campuchia – Lào – Việt Nam nên có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội và mở rộng hợp tác, hội nhập vào nền kinh tế quốc gia, quốc tế, mở rộng thị trường.

- Đất đai chủ yếu là loại đất đỏ vàng, đất xám, đất phù sa thích hợp cho phát triển của các cây công nghiệp lâu năm như cà phê, cao su, tiêu.... tạo nên vùng nguyên liệu phục vụ phát triển công nghiệp chế biến.

- Mang khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, nhiệt độ không khí trung bình 19⁰C thuận lợi cho việc phát triển các loại cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao đây là nguồn lực quan trọng để phát triển các ngành kinh tế như: Công nghiệp chế biến, thương mại - dịch vụ du lịch.

- Môi trường đất, nước, không khí của huyện Đắk Tô trong lành và có nền văn hóa đa dạng của nhiều dân tộc sinh sống là điều kiện để phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái.

1.5. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.5.1. Phân tích khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện, sự đồng thuận của Doanh nghiệp và người dân, kinh tế - xã hội huyện đã đạt được những kết quả tích cực: Sản xuất nông nghiệp vụ Đông Xuân đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Các dự án liên kết sản xuất được duy trì, phát triển ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân. Tiến độ thu ngân sách trên địa bàn đạt kết quả; các chính sách về đảm bảo an

sinh xã hội, chính sách hỗ trợ cho các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ, đối tượng theo quy định. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 tiếp tục được triển khai quyết liệt, hiệu quả. Công tác cải cách hành chính, xây dựng tổ chức bộ máy và cán bộ, phòng chống tham nhũng, lãng phí, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo được thực hiện hiệu quả; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm. An ninh chính trị trật tự an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo và giữ vững. Tổ chức thành công Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

1.5.2. Phân tích thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

* Tổng diện tích gieo trồng cả năm ước đạt 18.167 ha tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 100% kế hoạch, trong đó diện tích gieo trồng cây hàng năm 6.918ha, đạt 99,4% kế hoạch, diện tích cây lâu năm 11.247 ha, đạt 100,4% kế hoạch.

- Sản xuất vụ đông xuân: Diện tích lúa nước 557,3 ha, đạt 100,3% kế hoạch, năng suất bình quân khoảng 50,2 tạ/ha. Diện tích cây Ngô 31,25 ha, đạt 52,1% kế hoạch, năng suất bình quân khoảng 55 tạ/ha. Diện tích rau, đậu các loại 115 ha, đạt 102,2% kế hoạch, năng suất bình quân đạt 125,5 tạ/ha.

- Sản xuất vụ mùa: hầu hết các chỉ tiêu về sản xuất vụ mùa đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể: Diện tích Lúa ruộng đã gieo sạ được 885 ha lúa ruộng đạt 100% kế hoạch; 62,1 ha lúa nà rẫy đạt 103,5% kế hoạch. Diện tích cây Ngô đã gieo trồng 80,6 ha, đạt 100,8% kế hoạch. Diện tích cây Sắn hiện tại 5.000 ha, đạt 100% kế hoạch; trong đó, diện tích trồng mới 3.708 ha. Diện tích rau, đậu các loại khoảng 123,9 ha, đạt 85,5% kế hoạch. Diện tích cây cao su 7.710,8 ha đạt 101,6% kế hoạch (trồng mới 177,8ha, diện tích chuyển đổi sang cây trồng khác 53ha). Diện tích cây cà phê 2.717 ha đạt 102,5% kế hoạch (trồng mới 66,2ha)

- Phát triển diện tích cây quả: Chỉ tiêu kế hoạch trồng mới cây ăn quả năm 2021 là 170 ha. Đến nay diện tích trồng mới cây ăn quả khoảng 175 ha, đạt 102,9% kế hoạch, ước cả năm đạt 170ha đạt 100% kế hoạch. Phát triển cây Mắc ca: Chỉ tiêu kế hoạch trồng mới là 140 ha. Đến nay diện tích đã trồng khoảng 170,4ha, đạt 121,7% kế hoạch. Phát triển cây Dược liệu: Kế hoạch trồng mới cây dược liệu năm 2021 là 215 ha, đến nay diện tích trồng mới được 31 ha, đạt 14,4% kế hoạch, không đạt kế hoạch đề ra.

Nhìn chung các chỉ tiêu về sản xuất nông nghiệp cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra

* Phát triển chăn nuôi: Tổng đàn gia súc, gia cầm tiếp tục duy trì và phát triển (Trâu 2.512 con; Bò 5.080 con; Heo 9.274 con; gia cầm các loại 75.580 con. Diện tích mặt nước nuôi cá nước ngọt hiện nay 91,6 ha, đạt 100,7% kế hoạch). Trong năm 2021 trên địa bàn huyện đã xảy ra một số dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm như: Dịch tả lợn Châu Phi (Xảy ra tại địa bàn thị trấn Đắk Tô và các xã: Ngọc Tú, xã Diên Bình, xã Tân Cảnh làm chết 98 con với trọng lượng 4.282 kg, số lợn chết đã được tiêu hủy đảm bảo theo quy định), Bệnh cúm gia cầm (xảy ra trên địa bàn xã Tân Cảnh từ ngày 29/01/2021 đến ngày 22/02/2021 làm chết 5.300 con gia cầm các loại), bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò (Dịch bệnh Viêm da nổi cục trên đàn bò đã xảy ra tại 49 thôn, khối trên địa bàn 9 xã, tổng số gia súc mắc bệnh là 394 con, trong đó số bò chết, tiêu hủy là 28 con có tổng trọng lượng 4.166 kg, đã điều trị khỏi triệu chứng lâm sàng là 366 con). Đến nay, dịch bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò đã được kiểm soát, Ủy ban nhân dân huyện đã công bố hết dịch bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện

* Lâm nghiệp: Tập trung chỉ đạo công tác trồng rừng năm 2021 đảm bảo kế hoạch đề ra, đến nay toàn huyện đã trồng được: 300,35 ha, đạt 100,11% kế hoạch tình giao. Đã hoàn thành việc triển khai rà soát, xây dựng kế hoạch giao rừng, đất lâm nghiệp do UBND các xã, thị trấn đang quản lý giao cho cộng đồng dân cư quản lý với diện tích 2.012,57 ha. Trong năm trên địa bàn huyện đã xảy ra 03 vụ cháy rừng làm thiệt hại 3,512 ha rừng, phát hiện, xử lý 16 vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp (với khối lượng lâm sản 11,064 m³ gỗ quy tròn các loại gỗ thông thường, 5,8 ster củi, diện tích rừng thiệt hại 4,614 ha rừng tự nhiên, rừng trồng chức năng rừng sản xuất). Trong đó, đã xử lý hình sự 01 vụ; Xử lý hành chính 10 vụ, số tiền thu theo quyết định xử phạt: 271.500.000 đồng. So với cùng kỳ năm 2020, số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp trên địa bàn toàn huyện giảm 16 vụ, khối lượng gỗ vi phạm giảm 93,66% và diện tích rừng bị thiệt hại giảm 22,03%.

b) Khu vực kinh tế công nghiệp:

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp thực hiện đến tháng 10/2021 đạt 680 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch, ước thực hiện cả năm đạt 850 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong Cụm công nghiệp - dịch vụ 24/4 được quản lý chặt chẽ. Diện tích đất cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động (tính theo quy hoạch chi tiết được duyệt) là 12,5ha. Diện tích đất công nghiệp đã cho thuê: 10,87ha, tỷ lệ lấp đầy: 87%. Tổng số dự án đầu tư trong cụm công nghiệp là 15 dự án (12 dự án đã đi vào hoạt động, 02 dự án đang triển khai đầu tư, 01 dự án đã được UBND huyện thỏa

thuận địa điểm để nhà đầu tư lập thủ tục đầu tư); Hiện nay, có 70 cơ sở sản xuất thuộc các ngành nghề cơ khí gò hàn, sửa chữa ô tô, mộc dân dụng... đang hoạt động sản xuất, kinh doanh

c) Khu vực kinh tế thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội thực hiện đến tháng 10/2021 là 630 tỷ đồng, đạt 70% kế hoạch, ước thực hiện cả năm đạt 100% kế hoạch. Nhìn chung, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, tuy nhiên giá cả các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu tương đối ổn định; chủng loại hàng hóa đa dạng, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn.

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022)

1.5.3. Phân tích tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập

Tổng dân số trung bình năm 2020 toàn huyện có 48.905 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo 45,5%. Cùng với sự gia tăng dân số, lực lượng lao động của huyện không ngừng tăng lên. Nguồn nhân lực chủ yếu là đồng bào dân tộc ít người, chủ yếu là lao động phổ thông chưa được đào tạo cơ bản. Quỹ thời gian lao động sử dụng ít, không hiệu quả. Tuy nhiên, người lao động rất cần cù, chịu khó, tính cộng đồng cao.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện tốt công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình nhằm giảm tỷ lệ sinh con thứ 3, tổ chức các hoạt động thiết thực nhằm góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục, chăm sóc và bảo vệ trẻ em.

1.5.4. Phân tích thực trạng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn

a/ Thực trạng phát triển đô thị

Huyện Đắk Tô chỉ có thị trấn Đắk Tô là đô thị (đô thị loại V), thị trấn Đắk Tô giữ vai trò quan trọng là trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ và công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp của huyện. Thị trấn có diện tích tự nhiên 3.953,05 ha, chiếm 7,77% diện tích tự nhiên của huyện, với dân số là 14.157 người.

Phấn đấu đến năm 2025 xây dựng thị trấn Đắk Tô đạt 5/5 tiêu chí với 47/47 tiêu chuẩn của đô thị loại IV theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xây dựng thị trấn Đắk Tô xứng đáng là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của huyện.

Phát huy tối đa nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng lợi thế của thị trấn để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thị trấn ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, khang trang, hiện đại.

b/ Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn

Do đặc điểm hình thành và lịch sử phát triển, các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện được phát triển theo những hình thái khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện và mức độ phân bố trong từng khu vực:

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện: xã Kon Đào đạt 18/19 tiêu chí, Diên Bình đạt 19/19 tiêu chí; xã Tân Cảnh đạt 18/19 tiêu chí, xã Ngọc Tụ đạt 19/19 tiêu chí; xã Văn Lem đạt 16/19 tiêu chí, xã Xã Đăk Trăm đạt 16/19 tiêu chí, xã Đăk Rơ Nga đạt 15/19 tiêu chí; xã Pô Kô đạt 16/19 tiêu chí. Mỗi xã tăng từ 1 đến 2 tiêu chí so với năm 2020, cơ bản đạt mục tiêu đề ra; riêng xã Tân Cảnh và Kon Đào không đạt mục tiêu đề ra vì chưa đạt chỉ tiêu 15.1 về tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế trên 85%.

- Kết quả xây dựng xã nông thôn mới nâng cao: Xã Diên Bình và Xã Tân Cảnh cơ bản đạt 10/10 tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao, đạt mục tiêu đề ra; Xã Kon Đào: Đạt 1/10 tiêu chí; đạt 05/20 chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, không đạt mục tiêu đề ra.

- Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu: Thôn 1, Thôn 2, xã Diên Bình đạt 10/10 tiêu chí; Thôn 1, xã Tân Cảnh đạt 10/10 tiêu chí, xã Diên Bình và Tân Cảnh đạt mục tiêu đề ra. Thôn 7, xã Kon Đào đạt 5/10 tiêu chí, gồm tiêu chí số 2, 7, 8, 9 và 10 xã Kon Đào không đạt mục tiêu đề ra.

- Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới: Huyện Đắk Tô đạt 5/9 tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới (tiêu chí số 1 về quy hoạch; tiêu chí số 3 về thủy lợi; tiêu chí số 4 về điện; tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa – giáo dục; tiêu chí số 8 về An ninh, trật tự xã hội). Mục tiêu giai đoạn 2021-2025, phân đầu xây dựng huyện Đắk Tô đạt chuẩn nông thôn mới.

1.5.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a/ Mạng lưới giao thông

Toàn huyện có 869,05 ha đất giao thông, tỷ lệ đất giao thông chiếm khoảng 16,34% diện tích đất phi nông nghiệp. Trên địa bàn huyện có một số tuyến giao thông chính như sau:

Tổng chiều dài đường bộ của huyện Đắk Tô: 226,5 km. Trong đó: Đường Hồ Chí Minh: 24 km chiếm 0,6%, đường tỉnh: 19 km chiếm 8,39%, đường huyện: 38,5 km chiếm 17%, đường xã, thôn: 145 km chiếm 64,02%. Mật độ đường (chưa tính đường đô thị và đường sản xuất): 0,44 km/km² và 6,34 km/1.000 dân. Kết cấu mặt đường: Bê tông xi măng: chiếm 1,4% với 3,21 km,

bê tông nhựa và rải nhựa: chiếm 50,2% với 113,6 km, đường cấp phối và đất: chiếm 48,4% với 109,7 km.

- Đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14 cũ): Từ Diên Bình (giáp ranh Đắk Hà) đi Tân Cảnh (giáp ranh Ngọc Hồi), đoạn qua địa bàn huyện dài 24 km. Hiện tại có 6 km trong khu vực đô thị đã được mở rộng theo quy hoạch thành đường thị trấn với nền 32 m, mặt đường bê tông nhựa, còn lại 18 km đạt tiêu chuẩn đường cấp III với nền 9 m, mặt 6 m, mặt được kết cấu bê tông nhựa. Tuyến này đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án đường Hồ Chí Minh giai đoạn I, đoạn từ Ngọc Hồi đến thị trấn Đắk Tô đã nâng cấp cơ bản hoàn thiện.

- Đường tỉnh: Có 3 tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn huyện với chiều dài 37 km.

+ Đường tỉnh ĐT 672 (Tương lai QL14B): Từ thị trấn Đắk Tô đến xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông, đoạn tuyến qua địa bàn huyện dài 18 km, đã được cải tạo thành đường cấp VI với nền 6,0 m; mặt 3,5 m. Hiện tại có 0,9 km đường bê tông nhựa (Thị trấn Đắk Tô) và 17,11 km đường láng nhựa.

+ Đường tỉnh ĐT 678: Từ ĐT672 (Km 15+300) đến xã Đắk Na (huyện Tu Mơ Rông), đoạn qua địa bàn huyện dài 11,0 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI, mặt đường hiện là cấp phối đất đồi.

+ Đường tỉnh lộ 679: Từ thị trấn Đắk Tô đến Hơ Moong (huyện Sa Thầy), đoạn qua địa bàn huyện khoảng 16 km (Đường huyện ĐH.54 cũ), tiêu chuẩn đường cấp VI, láng nhựa.

- Đường huyện: Toàn huyện có 38,5 km đường huyện với 4 tuyến, bao gồm: ĐH.51, ĐH.52, ĐH.53 và ĐH.55.

+ Đường huyện ĐH.51 (Dốc Văn Roi, Km16 ĐT672 đến làng Đắk Sin-Kinh té 86): Tuyến dài 13 km, điểm đầu (Km 17 ĐT 672) và điểm cuối Km 2+500 ĐH52, hiện tại là đường GTNT, Bn=5m, Bm= 3,5m, kết cấu mặt đường láng nhựa.

+ Đường huyện ĐH.52 (Xã Kon Đào, km 8 ĐT 672 đến Ngã 3 suối Đắk Lung): Tuyến dài 3 km, điểm đầu (Km 4+800 ĐT 672) và điểm cuối là suối nước khoáng, hiện tại là đường GTNT, Bn=5m, Bm= 3,5m, kết cấu mặt đường láng nhựa.

+ Đường huyện ĐH.53 (Ngã 3 xã Ngọc Tụ, km 8 ĐT 672 đến làng Đắk Kon, xã Đắk Rơ Nga): Tuyến dài 14,5 km, điểm đầu (Km 8+000 ĐT 672) và điểm cuối là làng ĐắkKon, xã Đắk Rơ Nga, hiện đang thi công theo dự án được duyệt với tiêu chuẩn đường cấp VI, Bn=6m, Bm= 3,5m, kết cấu mặt đường láng nhựa.

+ Đường huyện ĐH.55 (Km 427 QL14 đến làng Đắk Ri Pen, xã Tân Cảnh) : Dài 8,0 km, điểm đầu tại Km 1494+100 đường Hồ Chí Minh và điểm cuối là

làng Đắk Ri Pen, xã Tân Cảnh; hiện tại là đường GTNT, Bn=5m, Bm= 3,5m, kết cấu mặt đường láng nhựa.

- Đường xã, thôn: Toàn huyện có 49 tuyến đường xã thôn với tổng chiều dài 145,0 km, trong đó có 3,2 km mặt đường BTXM và 33,1km mặt đường nhựa, còn lại là mặt đường cấp phối đất chất lượng xấu, đi lại khó khăn, đặc biệt là mùa mưa.

(Nguồn: Báo cáo tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030)

b/ Mạng lưới cấp điện

**Nguồn điện*

Trên địa bàn huyện có 3 nhà thủy điện vừa và nhỏ với công suất 10,83 MW, gồm thủy điện Kon Đào, Đắk Rơ Sa và Đắk Rơ Sa2.

- Thủy điện Kon Đào (xã Kon Đào) công suất (210+2x360)kW, công suất phát thường xuyên đạt 720kW, vận hành năm 1994 (Nâng cấp năm 2011), phát điện vào hệ thống qua lộ 473 trạm 110kV Đắk Tô (E46).

- Thủy điện Đắk Rơ Sa (xã Ngọc Tụ) công suất 3x2,5MW, vận hành từ tháng 11/2007, phát điện vào hệ thống qua lộ 479 trạm 110kV Đắk Tô (E46).

- Thủy điện Đắk Rơ Sa 2 (xã Ngọc Tụ) công suất 3x0,8MW, vận hành sau năm 2010, phát điện vào hệ thống qua lộ 479 trạm 110kV Đắk Tô.

** Lưới điện*

Trên địa bàn huyện Đắk Tô có đường dây siêu cao áp 500kV đi qua với chiều dài khoảng 40 km. Hệ thống điện trên địa bàn có hai cấp điện áp chính là 110kV và 22kV.

- Lưới điện 110kV:

Đường dây 110kV, gồm tuyến thủy điện Plei Krông - Đắk Tô, tuyến nhà máy giấy Tân Mai, tuyến thủy điện Đắk Psi4 – Đắk Tô và tuyến thủy điện Đắk Psi4 - Đắk Tô.

Trạm biến áp 110kV: Phụ tải trên địa bàn được cấp từ 2 trạm biến áp 110kV với tổng dung lượng đặt là 79 MVA.

+ Trạm 110kV Đắk Tô – E46 công suất 16MVA - 110/22kV, vận hành từ tháng 01/2004, cấp điện cho các huyện Đắk Tô, Ngọc Hồi, Đắk Glei, Tu Mơ Rông.

+ Trạm 110kV Tân Mai công suất 63MVA - 110/22kV, vận hành từ năm 2012, để cấp điện cho nhà máy bột giấy Tân Mai nói riêng, tuy nhiên đến nay nhà máy giấy chưa vào hoạt động nên trạm hiện đang cấp điện cho phụ tải công cộng huyện Đắk Tô, Đắk Hà.

- Lưới điện trung áp: Lưới điện trung áp vận hành chủ yếu ở cấp 22kV. Ngoài việc cấp điện trực tiếp cho các trạm phụ tải, lưới điện trung áp còn có nhiệm vụ truyền tải công suất các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn huyện vào lưới điện Quốc gia. Mạng tải các đường dây trung áp sau trạm 110kV, trạm Đắk Tô gồm lộ 479, lộ 471, lộ 473 và lộ 475; trạm Tân Mai, gồm lộ 475 và lộ 477.

Toàn huyện có khoảng 70 km đường dây trung áp, 95 km đường dây hạ áp với 57 trạm biến áp, tổng dung lượng 4.470 KVA. Điện lưới đã kéo đến 100% xã và 100% thôn, làng. Tỷ lệ hộ dùng điện đạt 100%; Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 23.532.000 KWh, bình quân tiêu thụ điện 541 KWh/người/năm. Trong những năm tới cần cải tạo, nâng cấp một số tuyến điện, trạm biến áp nhằm đảm bảo yêu cầu cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

(Nguồn: Báo cáo tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030)

c/ Hệ thống thủy lợi

Công tác thủy lợi được quan tâm, ngoài việc đầu tư mới các công trình thủy lợi để mở rộng diện tích canh tác thì việc duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương cũng được thực hiện thường xuyên và liên tục. Hiện trên địa bàn huyện có 76 công trình thủy lợi lớn nhỏ, trong đó có 12 hồ chứa, 64 đập dâng. Tổng diện tích thiết kế tưới 970 ha, thực tế đã phát huy tưới được 876 ha, đạt 76,74% với thiết kế.

Hệ thống kênh mương của các công trình thủy lợi vừa và nhỏ thường bị hư hỏng, sạt lở vì vậy đã ảnh hưởng đến phát triển sản xuất, mở rộng diện tích lúa nước hai vụ.

Hệ thống các đập tạm do dân tự làm chỉ mang tính chất tạm thời; người dân chỉ có thể dùng đất, đá, cây gỗ, hoặc các vật liệu tại chỗ để sửa chữa, vì vậy không đáp ứng đủ nước tưới vào mùa khô, vào mùa mưa khả năng thoát nước của các đập thủy lợi này bị hạn chế do ống thoát quá nhỏ, kênh đất sạt lở làm nước tràn vào ruộng gây ngập úng cục bộ.

d/ Bưu chính - viễn thông

** Bưu chính*

Toàn huyện có 01 bưu điện (trung tâm huyện). Bưu điện được xây dựng kiên cố khang trang và được mở đầy đủ các dịch vụ bưu chính.

Các điểm bưu điện văn hóa xã tập trung chủ yếu ở tuyến xã, cùng hệ thống bưu cục cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông phổ cập cho người dân;

ngoài ra còn là nơi phục vụ nhân dân đọc sách báo miễn phí, điem truy nhập Internet.

** Viễn thông*

- Phát triển mạng lưới:

Hạ tầng viễn thông cơ bản theo kịp thời đáp ứng hầu hết các dịch vụ theo nhu cầu xã hội. Mạng truyền dẫn cáp quang đã đến thị trấn huyện lỵ, khu vực tập trung dân cư với độ an toàn cao do được nối theo cấu hình mạch vòng. Các doanh nghiệp có mạng truyền dẫn liên tỉnh là VNPT, Viettel và EVN Telecom.

Trong huyện đã có hầu hết các mạng điện thoại di động như Mobifone, Vinaphone, S-Fone, Viettel Mobile, EVN Telecom. Các mạng điện thoại di động Mobifone, Vinaphone và Viettel Mobile sử dụng công nghệ GSM, riêng S-Fone và EVN Telecom sử dụng công nghệ CDMA. Tất cả các xã, thị trấn trong huyện đều đã có trạm thu phát sóng.

- Phát triển dịch vụ: Các doanh nghiệp viễn thông đã cung cấp hầu hết các loại hình dịch vụ viễn thông và Internet. Dịch vụ điện thoại cố định đã được phổ cập trong toàn huyện, điện thoại di động phát triển với tốc độ nhanh, mật độ điện thoại di động toàn huyện đạt 84 máy/100 dân. Truy cập Internet đã được cung cấp toàn huyện. Ngoài VNPT cung cấp dịch vụ Internet trong huyện nhờ mạng lưới được triển khai rộng khắp; các doanh nghiệp viễn thông khác chủ yếu cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng công nghệ ADSL đến tất cả các xã, thị trấn.

(Nguồn: Báo cáo tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030)

e/ Văn hóa, Thể thao, Thông tin và Truyền thông

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực Văn hóa - Thông tin tiếp tục được tăng cường hiệu lực, hiệu quả. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành nhiều văn bản như: Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 11/01/2021 tổ chức hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2021; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 04/02/2021 công tác thông tin đối ngoại huyện Đắk Tô năm 2021; Kế hoạch số 23/KH-UBND, ngày 09/3/2021 về tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 26/4/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg, ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin” đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đắk Tô; Công văn số 401/UBND, ngày 07/5/2021 về việc triển khai công tác văn hóa - văn

nghệ năm 2021; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 11/6/2021 về tuyên truyền công tác cải cách hành chính nhà nước.

Liên quan về tổ chức các hoạt động, thông tin cơ sở. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương chú trọng, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động, dịch vụ văn hóa trên địa bàn. Hệ thống Đài Truyền thanh cấp xã được đầu tư sửa chữa, nâng cấp đang hoạt động hiệu quả.

Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá đã được các cấp quan tâm, toàn huyện có 38 nhà rông truyền thống ở thôn, làng và 7 xã có nhà văn hóa trung tâm, nhưng trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt văn hóa chưa đầu tư đầy đủ; nhà rông truyền thống ở các thôn ngoài việc dùng trong các hoạt động văn hoá còn dùng để hội họp vào những ngày lễ lớn. Trên địa bàn huyện có di tích lịch sử địa điểm chiến thắng Đắk Tô - Tân Cảnh đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia, sân bay Phượng Hoàng, chứng tích nhà thờ Kon Hring (Diên Bình), các làng văn hoá truyền thống dân tộc Xơ Đăng (nhánh Xơ Teng) với những lễ hội truyền thống có nét đặc trưng riêng.

Cơ sở phục vụ hoạt động văn hóa - thông tin, thể dục thể thao còn thiếu thốn (*loa đài, dụng cụ phục vụ cho hội nghị, tuyên truyền, sân bóng đá, bóng chuyền...*). Huyện xây dựng được trung tâm văn hoá, nhà truyền thống, quảng trường trung tâm và sân vận động huyện. Chính vì vậy, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao hoạt động khá tốt.

Hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao đã được huyện quan tâm chú trọng, nhiều hoạt động hội tụ nhiều bản sắc dân tộc, với nét văn hoá riêng, lâu đời nay của đồng bào dân tộc thiểu số bản địa vẫn lưu giữ, đặc biệt được thể hiện rõ trong những ngày lễ hội truyền thống.

Truyền thanh, truyền hình hoạt động tốt, tỷ lệ phủ sóng truyền hình 100%, tỷ lệ phủ sóng truyền thanh đạt 100%. Truyền thanh, truyền hình tập trung tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước. Chất lượng thông tin tuyên truyền đã được nâng lên, các trạm thu phát sóng truyền hình đã phủ sóng tới các thôn vùng sâu, vùng xa, tuy nhiên tín hiệu thu phát chất lượng còn kém. Việc cập nhật thông tin, liên lạc ở các xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn do thiếu trang thiết bị, hoặc bán kính phục vụ rất xa. Đây là cản trở lớn cho công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin đến cộng đồng thôn, làng.

f/ Y tế và chăm sóc sức khỏe của nhân dân

Trên địa bàn huyện có 10 cơ sở y tế, trong đó có 1 bệnh viện và 9 trạm y tế xã, thị trấn với tổng số 195 giường bệnh; 162 cán bộ ngành y (trong đó có 36 bác

sỹ), ngành dược 24 người (trong đó dược sĩ 3 người, dược sĩ trung cấp 21 người), 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ; 100% trạm y tế có cán bộ y tế cơ sở, bình quân mỗi trạm y tế có 5 cán bộ y tế; 100% số thôn, làng có nhân viên y tế.

Công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng được quan tâm đúng mức, đội ngũ cán bộ y tế từ bệnh viện xuống xã được tăng cường. Các trạm y tế xã được đầu tư và nâng cấp. Đội ngũ cán bộ y tế được đào tạo cơ bản, có chất lượng, cơ bản đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Công tác phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được chú trọng, đã thực hiện có hiệu quả công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phòng chống dịch bệnh cho trẻ em trong độ tuổi và phụ nữ có thai... đã mang lại kết quả khả quan, nhất là đối với trẻ em: tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin 99,18%.

Nhìn chung, tình hình sức khỏe của nhân dân trên địa bàn được cải thiện rõ rệt, không có dịch bệnh. Các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, trẻ em được quan tâm chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành y tế đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa đồng bộ.

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2020)

g/ Cơ sở giáo dục - đào tạo

Hoàn thành việc triển khai thực hiện Kế hoạch sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đảm bảo. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ được duy trì đạt mục tiêu kế hoạch đề ra Quyết định số 595/QĐ-UBND, ngày 06/8/2021 của UBND huyện sáp nhập các trường tiểu học và THCS trên địa bàn xã Văn Lem thành Trường TH-THCS xã Văn Lem. Duy trì 100% xã, Thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; 100% xã, Thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3; 100% xã, Thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 (trong đó có 01 xã đạt mức độ 3) và xóa mù chữ đạt mức độ 2

- Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được duy trì, toàn huyện đến nay có 25/31 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 80,6%; Chỉ đạo các cơ sở giáo dục chủ động thực hiện kế hoạch năm học 2021-2022, chuẩn bị các phương án dạy và học phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch COVID-19. Hệ thống mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện đã được sửa chữa, đầu tư xây dựng ngày càng hoàn thiện; trang thiết bị giáo dục được bổ sung, cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh. Hiện nay trên địa bàn huyện không còn phòng học tạm.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên luôn được quan tâm, Phòng GDĐT huyện, các trường học tạo điều kiện thời gian để CBQL, giáo viên được tham gia bồi dưỡng, nâng cao trình độ đào tạo. Hiện nay, trình độ đào tạo CBQL, giáo viên cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Chất lượng dạy và học năm học 2020-2021 từng bước được nâng lên. Kết quả đánh giá chất lượng học sinh các cấp năm học 2020-2021 cụ thể: Kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ mẫu giáo thuộc 5 lĩnh vực (Lĩnh vực thể chất, Lĩnh vực ngôn ngữ và giao tiếp, Lĩnh vực nhận thức, Lĩnh vực thẩm mỹ) năm học 2020-2021 đạt từ 87% trở lên. Riêng trẻ 5 tuổi DTTS đạt 92% trở lên, 100% trẻ DTTS được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

+ Cấp tiểu học: Kết quả môn Toán: Hoàn thành tốt đạt tỷ lệ 23,2%, hoàn thành đạt tỷ lệ 71,5%, chưa hoàn thành đạt tỷ lệ 5,3%; môn Tiếng Việt: hoàn thành tốt đạt tỷ lệ 22,5%, hoàn thành đạt tỷ lệ 71,9%, chưa hoàn thành đạt tỷ lệ 5,6%.

+ Cấp THCS: học lực giỏi 3.05%, khá 30.73%, trung bình 62.59%, yếu 3.59%, kém 0,04% ; hạnh kiểm tốt 67.01%, khá 27.18%, trung bình 5.76%, yếu 0,04%. Công tác huy động học sinh các bậc học phổ thông ra lớp đầu năm học 2021-2022: Số trẻ 6 tuổi huy động vào học lớp 1 đạt tỷ lệ 100%; huy động học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt tỷ lệ 96,8%; huy động học sinh trong độ tuổi vào học THCS đạt tỷ lệ 96,5%.

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022).

h/ Trung tâm thương mại, chợ

Hoạt động thương mại, dịch vụ đã cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất, đời sống của đồng bào các dân tộc trong huyện. Các xã đã thực hiện tốt việc cung ứng hàng hóa nhất là các mặt hàng thiết yếu như dầu thấp, giấy viết, sách, vở học sinh, thuốc chữa bệnh, muối i ốt cho nhân dân; thực hiện tốt chính sách trợ cước, trợ giá vận chuyển hàng hóa cho đồng bào dân tộc ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội ước thực hiện 320.000 triệu đồng, đạt 35,8% kế hoạch, tăng 3% so với cùng kỳ. Nhìn chung mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid - 19, tuy nhiên giá cả các mặt hàng tiêu dùng tương đối ổn định, chủng loại hàng hóa đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn.

Tỉnh, huyện đã chú trọng cửa hàng thương mại tại các xã và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia vào thị trường nông thôn. Trên địa bàn huyện có 2 chợ gồm chợ trung tâm huyện và chợ trung tâm cụm xã Đắk Trăm, các xã đã xây dựng cửa hàng thương mại; có 1.283 cơ sở kinh doanh thương mại, vận tải và kho bãi, dịch vụ lưu trú và ăn uống với 1.794 người tham gia kinh doanh. Các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ (mặt hàng tạp phẩm thông thường), sửa xe máy... của các hộ người kinh tạm trú và chưa có hộ khẩu định cư lâu dài tại địa bàn. Đây là những điểm thu mua, trao đổi sản phẩm nông lâm nghiệp cho người dân.

Thương mại, dịch vụ chủ yếu tập trung ở trung tâm huyện, các trục quốc lộ, tỉnh lộ; còn ở các xã vùng sâu, vùng xa còn kém phát triển. Hệ thống thương mại - dịch vụ đầu vào và đầu ra cho nông dân chưa thực sự phát triển.

1.6. Đánh giá chung

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo điều hành của UBND huyện, sự đồng thuận của người dân và doanh nghiệp, kinh tế - xã hội huyện đã đạt được những kết quả tích cực: Sản xuất nông nghiệp, diện tích cây hàng năm, cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả đạt, vượt chỉ tiêu kế hoạch giao. Các dự án liên kết sản xuất được duy trì, phát triển ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân. Tiến độ thu ngân sách trên địa bàn đạt kết quả; các chính sách về đảm bảo an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ cho các đối tượng chính sách trên địa bàn huyện được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ, đối tượng theo quy định. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 tiếp tục được triển khai quyết liệt, hiệu quả. Công tác cải cách hành chính, xây dựng tổ chức bộ máy và cán bộ, phòng chống tham nhũng, lãng phí, thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo được thực hiện hiệu quả; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm. An ninh chính trị trật tự an toàn xã hội tiếp tục được đảm bảo và giữ vững. Tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

- Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại hạn chế sau:

+Tiến độ thực hiện, giải ngân các nguồn vốn đầu tư công chưa đạt kế hoạch (đến nay mới đạt 55,3% kế hoạch vốn).

+ Triển khai việc tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp của các mô hình liên kết sản xuất gặp khó khăn. Chỉ tiêu phát triển cây dược liệu trên địa bàn huyện không đạt kế hoạch đề ra.

+ Việc triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện còn chậm.

+ Dịch bệnh trên đàn gia súc vẫn diễn biến phức tạp, xảy ra trên diện rộng làm ảnh hưởng đến phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện. Bệnh khảm lá, bệnh chổi rồng trên cây sắn còn xảy ra tại một số địa phương chưa được xử lý triệt để.

+ Tình trạng khai thác lâm sản trái pháp luật và cháy rừng trên lâm phần của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Tô quản lý vẫn còn xảy ra và chưa được ngăn chặn, xử lý dứt điểm.

+ Tình hình dịch bệnh sốt xuất huyết Dengue, thủy đậu còn xảy ra chưa được xử lý dứt điểm.

* Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực đời sống, sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng đến tiến độ thu ngân sách huyện.

+ Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc diễn biến phức tạp đặc biệt là bệnh dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục ở trâu, bò làm ảnh hưởng đến việc phát triển chăn nuôi trên địa bàn huyện và ảnh hưởng tới thu nhập của người nông dân.

+ Kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 chủ yếu bố trí cho các dự án, công trình khởi công mới. Vì vậy, trong giai đoạn đầu năm các dự án, công trình khởi công mới chỉ hoàn thiện thủ tục đầu tư; từ quý III trở đi mới có khối lượng hoàn thành để thanh toán. Một số nguồn vốn mới được giao bổ sung vào cuối quý II năm 2021 nên một phần cũng ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân; Ngoài ra, công tác đền bù giải phóng mặt bằng còn nhiều khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện dự án, công trình và tỷ lệ giải ngân. Đến nay, khối lượng giải ngân chủ yếu từ các công trình chuyển tiếp hoặc tạm ứng đối với các công trình đã hoàn thiện thủ tục đầu tư.

+ Một bộ phận người dân chưa hợp tác tốt trong công tác phòng chống dịch bệnh trên người, trên cây trồng và vật nuôi.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Một số cơ quan, địa phương chưa thật sự chủ động, quyết liệt, sâu sát trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao nhất là trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện các chỉ tiêu về phát triển kinh tế và phòng chống dịch bệnh. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị chưa được phát huy; việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại một số đơn vị, địa phương chưa nghiêm.

+ Công tác phối hợp giữa đơn vị chủ rừng và UBND cấp xã tại một số nơi chưa đồng bộ và chặt chẽ, đặc biệt là trong công tác nắm bắt thông tin, phối hợp tuần tra, phát hiện và xử lý vi phạm chưa thực sự hiệu quả.

+ Chủ đầu tư chậm trễ trong công tác lập hồ sơ thủ tục để khởi công xây dựng; chưa đề xuất được các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn huyện còn chậm, đơn vị được giao nhiệm vụ chưa đề xuất được giải pháp thực hiện quyết liệt hiệu quả

(Nguồn: Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022).

1.7. Biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất

*** Phân tích, đánh giá về xói mòn, sạt lở đất:**

Huyện Đắk Tô cũng bị ảnh hưởng nhiều của biến đổi khí hậu toàn cầu. Những năm gần đây, trên địa bàn huyện hạn hán bất thường xảy ra, lũ lụt không theo quy luật, đặc biệt nhiệt độ không khí ngày càng tăng cao.

Biến đổi khí hậu làm thay đổi chế độ mưa nắng, nguy cơ nắng nóng nhiều hơn, lượng mưa thay đổi, lượng dinh dưỡng trong đất bị mất cao hơn trong suốt các đợt mưa dài. Những thay đổi về nhiệt độ, lượng mưa, thời điểm mưa và những thay đổi về hình thái trong chu trình nước: mưa - nước bốc hơi - mưa đều dẫn đến sự thay đổi cơ chế ẩm trong đất, lượng nước ngầm và các dòng chảy, gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ.

Biến đổi khí hậu có khả năng làm tăng tần số, cường độ, tính biến động và tính cực đoan của các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như: Bão, tố lốc, lũ lụt, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán, rét hại... làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện.

Sạt lở đất ven các sông, vùng đồi núi có địa hình dốc cũng là một vấn đề xảy ra thường xuyên. Những năm gần đây trên địa bàn huyện xảy ra một số đợt mưa diện rộng. Sạt đất không chỉ làm mất đất mà còn gây thiệt hại về người và tài sản, hư hại hệ thống cơ sở hạ tầng. Tạo áp lực cho việc bố trí quỹ đất tương đối lớn, đồng thời trong việc xác định vị trí xây dựng, bố trí các công trình.

Sự nghèo kiệt, suy thoái của các nguồn tài nguyên đất, nước, rừng do biến đổi khí hậu và do sự bất cẩn của con người trong quá trình sử dụng đã làm cho các yếu tố đầu vào của sản xuất nông nghiệp ngày một gia tăng. Những vấn đề đó đặt ra cho các cấp, các ngành trong huyện phải có các giải pháp ứng phó nhằm hạn chế tác động xấu đến sản xuất, đồng thời phục hồi tài nguyên để sử dụng có hiệu quả đi đôi với việc cải thiện môi trường để phát triển bền vững.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Bảng 1: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm trước

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	44.787,69	45.030,13	242,44	100,54
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.272,78	1.277,44	4,66	100,37
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	1.084,21	1.083,79	-0,42	99,96
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	11.070,74	11.222,84	152,10	101,37
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15.878,66	16.013,36	134,70	100,85
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.450,30	2.450,30		100,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.908,36	13.907,02	-1,34	99,99
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN		10.162,69	10.162,69	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	119,13	123,59	4,46	103,74
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	87,72	35,58	-52,14	40,56
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.574,03	5.329,40	-244,63	95,61
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	903,34	903,34		100,00
2.2	Đất an ninh	CAN	2,87	1,54	-1,33	53,66
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	150,02	150,00	-0,02	99,99
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	67,41	16,98	-50,43	25,19
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	10,64	7,46	-3,18	70,10
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	74,33	69,33	-5,00	93,27
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	10,87	11,93	1,06	109,75
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	43,13	23,11	-20,02	53,58
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.889,93	2.737,68	-152,25	94,73
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	875,00	870,92	-4,08	99,53
-	Đất thủy lợi	DTL	356,70	324,07	-32,63	90,85
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	4,48	4,39	-0,09	97,99
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,33	4,13	-0,20	95,40

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	64,52	64,14	-0,38	99,41
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	18,16	17,16	-1,00	94,49
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.466,09	1.351,63	-114,46	92,19
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,24	1,24		100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất di tích lịch sử - văn hoá	DDT	25,22	26,51	1,29	105,11
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,65	4,65		100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	7,20	7,20		
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	60,59	60,59		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	1,75	1,05	-0,70	60,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	60,00		-60,00	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	10,84	11,07	0,23	102,12
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV	2,18	2,18		100,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	430,08	432,95	2,87	100,67
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	134,54	132,55	-1,99	98,52
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,12	12,64	0,52	104,29
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,67	4,88	0,21	104,50
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	764,95	809,65	44,70	105,84
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,81	0,81		100,00
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,30	1,30		100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	508,59	510,78	2,19	100,43

(Nguồn: QĐ số 30/QĐUBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Đắk Tô và số liệu thống kê đất đai năm 2021)

Tổng diện tích tự nhiên trên địa bàn huyện Đắk Tô đến năm 2021 là 50.870,31 ha vẫn giữ nguyên diện tích so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

2.1.1/ Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021, đất nông nghiệp có diện tích là 44.787,69 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 45.030,13 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 242,44 ha. Cụ thể qua các loại đất sau:

a/ Đất trồng lúa: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 1.272,78 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 1.277,44 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 4,66 ha. Nguyên nhân các công trình có đăng ký chuyển đổi đất lúa sang các mục đích khác nhưng chưa thực hiện như các công trình sau: Kè chống sạt lở sông Đắk Tô Kan – Đắk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đắk Tô, khu du lịch suối nước nóng.

b/ Đất trồng cây hàng năm khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 11.070,74 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 11.222,84 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 152,10 ha. Nguyên nhân các công trình có đăng ký chuyển đổi đất trồng cây hàng năm khác sang các mục đích khác nhưng chưa thực hiện như các công trình sau: Thủy điện Plei Kần hạ công suất 10MW tại xã Tân Cảnh, Ngọc Tụ; Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô; cấp nước sinh hoạt thôn Đắk Chờ, thôn Đắk Nu, thôn Đắk No và thôn Đắk Tăng tại xã Ngọc Tụ; hồ Kon Tu Zốp thuộc Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) tỉnh Kon Tum tại xã Pô Kô; Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Đắk Trăm; Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở đường Trường Chinh tại thị trấn Đắk Tô; chuyển mục đích sang đất ở đường Mai Hắc Đế tại thị trấn Đắk Tô; chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản tại xã Kon Đào; chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản tại xã Kon Đào; tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ODA vay ưu đãi; khu du lịch thác Đắk Sing, khu du lịch suối nước nóng tại xã Kon Đào.

c/ Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 15.878,66 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 16.013,36 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 134,70 ha. Nguyên nhân các công trình có đăng ký chuyển đổi đất trồng cây lâu năm sang các mục đích khác nhưng chưa thực hiện như các công trình sau: Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô tại thị trấn Đắk Tô, xã Diên Bình; đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô; cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh; chuyển mục đích sử dụng sang đất ở đường Trường Chinh; Chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản tại xã Diên Bình; khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Đắk Rơ Nga; dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng trang trại chăn nuôi xã Kon Đào; chuyển đổi mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Đắk Sing); tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ODA vay ưu đãi; kè chống sạt lở sông Đắk Tô Kan – Đắk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đắk Tô tại thị trấn Đắk Tô; dự án sản xuất nông nghiệp trang trại tổng hợp Quang Thuận - Tân Cảnh; khu du lịch thác Đắk Sing, khu du lịch suối nước nóng tại xã Kon Đào.

d/ Đất rừng phòng hộ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 2.450,30 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 2.450,30 ha, đạt chỉ tiêu so với kế được duyệt.

e/ Đất rừng sản xuất: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 13.908,36 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 13.907,02 ha, còn lại 1,34 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất di tích diềm cao 1015 – 1045 (đồi Sạc ly).

f/ Đất nuôi trồng thủy sản: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 119,13 ha, kết quả thực hiện đến năm 2021 là 123,59 ha cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 4,46 ha. Nguyên nhân các công trình có đăng ký chuyển đổi đất nuôi trồng thủy sản sang nhưng chưa thực hiện như các công trình kè chống sạt lở sông Đắk Tô Kan – Đắk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đắk Tô tại thị trấn Đắk Tô.

g/ Đất nông nghiệp khác: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 87,72 ha, kết quả thực hiện đến năm 2021 là 35,58 ha, còn lại 52,14 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình sau: Trang trại nấm Yến Anh Sài Gòn và Trang trại nấm Hương Dương Kon Đào; Dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng trang trại chăn nuôi xã Kon Đào; trang trại nuôi heo thịt gia công với công ty cổ phần C.P Trên địa bàn thôn 5, xã Diên Bình; dự án sản xuất nông nghiệp trang trại tổng hợp Quang Thuận - Tân Cảnh.

2.1.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu kế được duyệt đất phi nông nghiệp là 5.574,03 ha; thực hiện đến năm 2021 là 5.329,40 ha, vẫn còn 244,63 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt. Cụ thể qua các loại đất sau:

a/ Đất quốc phòng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 903,34 ha, thực hiện đến năm 2021 là 903,34 ha, đạt chỉ tiêu so với kế hoạch được duyệt.

b/ Đất an ninh: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 2,87 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 1,54 ha, còn lại 1,33 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện công trình xây dựng trụ sở công an.

c/ Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 150,02 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 150,00 ha.

d/ Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 67,41 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 16,98 ha, còn lại 50,43 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân chưa thực hiện công trình cụm Công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô (*Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô*).

e/ Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 10,64 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 7,46 ha, còn lại 3,18 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình sau: Đất đấu giá cho thuê để xây dựng nhà hàng, khách sạn (*đất Viện kiểm sát cũ*) thị trấn Đắk Tô, đấu giá cho thuê đất vào mục đích thương mại dịch vụ (*Hai*

bên bên đầu đường vào Trung đoàn 24) tại xã Tân Cảnh; chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Kon Tu Dóp 2); chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Đắk Mơ Ham) tại xã Pô Kô; chuyển đổi mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Đắk Sing); chuyển đổi mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Măng rương) tại xã Văn Lem; chuyển đổi mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Đắk Dé) tại xã Đắk Rơ Nga.

f/ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 74,33 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 69,33 ha, còn lại 5,00 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình nhà máy chế biến đá thạch anh nhân tạo của Công ty Cổ phần khoáng sản Lộc Thiên Phú (nằm trong cụm công nghiệp phía Tây) tại thị trấn Đắk Tô.

g/ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 10,87 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 11,93 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 1,06 ha.

h/ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 43,13 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 23,11 ha, còn lại 20,02 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình sau: Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản tại các xã trên địa bàn huyện.

i/ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 2.889,93 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 2.737,68 ha, còn lại 152,25 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình sau: Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô; Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng), thị trấn Đắk Tô; đường Phạm Hồng Thái (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến nhà bà Y Phú); đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương); Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1; Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng); kè chống sạt lở sông Đắk Tô Kan – Đắk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đắk Tô tại thị trấn Đắk Tô; Hồ Kon Tu Zốp thuộc Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) tỉnh Kon Tum; hồ Kon Tu Zốp thuộc Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) tỉnh Kon Tum tại xã Pô Kô; cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Đắk Trăm; nhà văn hóa đa năng xã Pô Kô; dự án: Hạ tầng khu quy hoạch xây dựng Nhà Văn hóa trung tâm và sửa chữa quảng trường huyện; trường tiểu học xã Đắk Trăm, huyện Đắk Tô (hạng mục: 08 phòng học) tại xã Đắk Trăm; trường tiểu học Đắk Rơ Nga (Điểm

trường thôn Đắk Kon); trường Mầm non Văn Lem (Điểm trường thôn Tê Rông) tại xã Văn Lem; thủy điện Plei Kần hạ công suất 10MW; nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô tại thị trấn Đắk Tô và xã Diên Bình; tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ODA vay ưu đãi.

k/ Đất danh lam thắng cảnh: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 60,00 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 0 ha, còn lại 60,00 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình sau: Khu du lịch thác Đắk Sing, Khu du lịch suối nước nóng tại xã Kon Đào.

l/ Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 10,84 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 11,07 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,23 ha. Nguyên nhân công trình có đăng ký chuyển đổi đất sinh hoạt cộng đồng sang chưa thực hiện như các công trình xây dựng trụ sở Công an xã Pô Kô.

m/ Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng: Chỉ tiêu được duyệt là 2,18 ha, thực hiện đến năm 2021 là 2,18 ha, đạt chỉ tiêu so với kế hoạch được duyệt.

n/ Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 430,08 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 432,95 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 2,08 ha. Nguyên nhân công trình có đăng ký chuyển đổi đất ở tại nông thôn sang nhưng chưa thực hiện

o/ Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 134,54 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 132,55 ha, còn lại 1,99 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do chưa thực hiện các công trình sau: Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở đường Trường Chinh; chuyển mục đích sang đất ở đường Mai Hắc Đế.

p/ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 12,12 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 12,64 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,52 ha. Nguyên nhân công trình có đăng ký chuyển đổi đất xây dựng trụ sở cơ quan sang nhưng chưa thực hiện: Đất đấu giá cho thuê để xây dựng nhà hàng, khách sạn (đất Viện kiểm sát cũ) tại thị trấn; xây dựng trụ sở Công an xã Văn Lem, xã Diên Bình; xã Đắk Trăm.

q/ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Chỉ tiêu được duyệt là 4,67 ha, thực hiện đến năm 2021 là 4,88 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,21 ha.

r/ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 764,95 ha; kết quả thực hiện đến năm 2021 là 809,65 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 44,7 ha. Nguyên nhân công trình có đăng ký chuyển đổi đất

sông, ngòi, kênh, rạch, suối sang nhưng chưa thực hiện: Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Diên Bình, Đăk Trăm, Ngọc Tự...; kè chống sạt lở sông Đăk Tô Kan – Đăk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đăk Tô tại thị trấn; Khu du lịch thác Đăk Sing tại xã Kon Đào.

s/ Đất có mặt nước chuyên dùng: Chỉ tiêu được duyệt là 0,81 ha, thực hiện đến năm 2021 là 0,81 ha, đạt chỉ tiêu so với kế hoạch được duyệt.

t/ Đất phi nông nghiệp khác: Chỉ tiêu được duyệt là 1,30 ha, thực hiện đến năm 2021 là 1,30 ha, đạt chỉ tiêu so với kế hoạch được duyệt.

2.1.3. Đất chưa sử dụng

Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt năm 2021 là 508,59 ha, kết quả thực hiện đến năm 2021 là 510,78 ha; còn lại 2,19 ha chưa thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân kế hoạch năm 2021 có đăng ký chuyển đất chưa sử dụng sang nhưng chưa thực hiện: Khu du lịch thác Đăk Sing tại Kon Đào; đấu giá cho thuê đất vào mục đích thương mại dịch vụ (Hai bên bên đầu đường vào Trung đoàn 24) tại xã Tân Cảnh; mặt bằng sân công nghiệp để khai thác cát làm VLXD thông thường.

*** Đánh giá kết quả thực hiện danh mục công trình dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2021.**

Tính đến năm 2021, trên địa bàn huyện Đăk Tô có 24 công trình, dự án nằm trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà sau 03 năm chưa thực hiện, đã được UBND tỉnh Kon Tum hủy bỏ tại Quyết định số 567/QĐ-UBND, ngày 9/6/2020 về việc hủy bỏ diện tích đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất ghi trong Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà sau 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố; Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc hủy bỏ diện tích đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà sau 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố (có Quyết định kèm theo).

Năm 2022, trên địa bàn huyện Đăk Tô có 12 công trình, dự án nằm trong Kế hoạch sử dụng đất các năm 2019, 2020 và 2021 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo quy định, trong đó có 02 công trình, dự án đã được UBND tỉnh hủy bỏ tại Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc hủy bỏ diện tích đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà sau 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố.

Qua thống kê, các công trình, dự án này quá 03 năm chưa thực hiện, tuy nhiên hiện nay các ngành chức năng đang hoàn thiện hồ sơ, lập các thủ tục thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất... vì vậy UBND huyện đề nghị

xin chuyển tiếp vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để có cơ sở hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đất đai theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể các công trình, dự án sau:

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (ha)	Ghi chú
1	Dự án nâng cao độ và mở rộng tuyến tránh Plei Krông trên tuyến Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum	xã Diên Bình	6,11	
2	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	xã Diên Bình	0,09	
3	Xây dựng điểm trường Mầm non thôn Đắk Mơ Ham	xã Pô Kô	0,05	Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc hủy bỏ diện tích đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà sau 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố
4	Xây dựng trường tiểu học xã Pô Kô (Điểm trường Kon Tu Dớp 1)	xã Pô Kô	0,09	
5	Hồ Kon Tu Zốp thuộc Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) tỉnh Kon Tum	xã Pô Kô	1,61	
6	Trường Mầm non Văn Lem (Điểm trường thôn Tê Rông)	xã Văn Lem	0,18	
7	Xây dựng thủy điện Plei Kần hạ công suất 10MW	xã Tân Cảnh, xã Ngọc Tụ, xã Đắk Rơ Nga	78,31	
8	Trường tiểu học Đắk Rơ Nga (Điểm trường thôn Đắk Kon)	xã Đắk Rơ Nga	0,07	Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc hủy bỏ diện tích đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà sau 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích (ha)	Ghi chú
9	Kè chống sạt lở sông Đắk Tô Kan – Đắk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đắk Tô	TT Đắk Tô	30	
10	Cụm Công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô (Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô)	TT Đắk Tô	50	Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc hủy bỏ diện tích đất thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện mà sau 03 năm chưa thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố
11	Đất đấu giá cho thuê để xây dựng nhà hàng, khách sạn (đất Viện kiểm sát cũ)	TT Đắk Tô	0,14	
12	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Đắk Trăm	xã Đắk Trăm	0,37	

Danh mục các công trình dự án đã thực hiện trong năm 2021:

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Nhà máy thủy điện Kon Đào	9,64	xã Kon Đào
2	Công trình: Đường Ngô Tiến Dũng (Đoạn từ đường Nguyễn Văn Cừ đến hết khu vực bố trí, sắp xếp dân cư rừng thông khối 5)	0,55	TT Đắk Tô
3	Đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ Nguyễn Trãi đến Lê Quý Đôn)	0,28	TT Đắk Tô
4	Đường Lê Quý Đôn, thị trấn Đắk Tô	1,31	TT Đắk Tô
5	Công trình: Đường đi KSX làng cũ (đoạn dốc Đắk Kang rẫy nhà ông Hiếu) thôn Đắk Kang Pêng, xã Diên Bình	0,55	xã Diên Bình
6	Tuyến đường liên khối (từ khối 1 đi khối 7) thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	4,55	TT Đắk Tô
7	Đường đi sản xuất thôn Kon Pring (Đoạn từ nhà Y Viện đến rẫy A Dung)	0,13	xã Ngọc Tụ
8	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Kon (Từ nghĩa địa thôn Đắk Pung đến nhà ông A Guk)	0,08	xã Đắk Rơ Nga
9	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Manh II (Đoạn từ cây xoài tới đầu đường bê tông)	0,44	xã Đắk Rơ Nga
10	Thủy điện Plei Kần công suất 17 MW	70,81	xã Đắk Rơ Nga
11	Dự án: Trạm Y tế xã Ngọc Tụ	0,16	xã Ngọc Tụ

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
12	Công viên cây xanh	0,31	TT Đắk Tô
13	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Ngọc Tụ; Hạng mục Cải tạo nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	0,22	xã Ngọc Tụ
14	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND UBND xã Văn Lem: hạng mục nhà làm việc, hội trường và các hạng mục phụ trợ	0,44	xã Văn Lem
15	Đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất riêng lẻ trên Đường Nguyễn Sinh Sắc, khối 8, thị trấn Đắk Tô	0,02	TT Đắk Tô
16	Đấu giá quyền sử dụng đất Trên tuyến đường nhánh đoạn từ Hà Huy Tập đến đường QH TT thương mại)	0,70	TT Đắk Tô
17	Vị trí đất dự kiến đưa vào đấu giá (Thôn 3)	0,10	xã Tân Cảnh
18	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực vườn rau tập trung khối 7, thị trấn Đắk Tô	4,39	TT Đắk Tô
19	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực vườn ươm khuyến nông khối 7, thị trấn Đắk Tô	2,06	TT Đắk Tô
20	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng cây đa khối 7, thị trấn Đắk Tô	1,34	TT Đắk Tô
21	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đắk Tô (Vị trí 1)	3,81	TT Đắk Tô
22	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đắk Tô (Vị trí 2)	2,11	TT Đắk Tô
23	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Lò gạch cũ khối 7, thị trấn Đắk Tô	0,90	TT Đắk Tô
24	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Xóm chùa thôn 2, xã Diên Bình	0,91	xã Diên Bình
25	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Cây Hương, thôn 1, xã Diên Bình	1,42	xã Diên Bình
26	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá đồng ông Tâm, thôn 1, xã Diên Bình	1,45	xã Diên Bình
27	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực trồng rau sạch cây đa Diên Bình, thôn 1, xã Diên Bình	3,69	xã Diên Bình
28	Trại nấm Nhật Quang Minh và Trại nấm Minh Kiên Diên Bình	1,82	xã Diên Bình
29	Trang trại tổng hợp Ánh Minh - thị trấn Đắk Tô tại thửa đất số 241, tờ bản đồ số 119; Diện tích 2.187,5m ²	0,22	TT Đắk Tô
30	Dự án Trang trại nấm Hưng Phát của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và Điện Mặt trời Hưng Phát (tại thửa đất số 5, tờ bản đồ số 13; Diện tích 14.093,3m ²)	1,40	Xã Tân Cảnh
31	Dự án Trang trại nấm Cường Quốc của Công ty TNHH Năng lượng xanh Cường Quốc (tại thửa đất	2,19	Xã Tân Cảnh

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
	số 71 và 72, tờ bản đồ số 11; Diện tích 21.944m ²)		
32	Trang trại nấm NQM Tây Nguyên – Tân Cảnh và Trang trại nấm Nhật Quang Minh - Tân Cảnh	1,61	Xã Tân Cảnh
33	Trang trại trồng trọt của ông Nguyễn Phi Hùng và trang trại trồng trọt ông Nguyễn Gia Hùng	2,55	xã Pô Kô
34	Dự án xây dựng cửa hàng xăng dầu của Công ty TNHH Thương mại Hợp Thành Công (tại thửa đất số 178; Tờ bản đồ số 93; Diện tích: 1.113,2m ²)	0,11	xã Diên Bình
35	Đường Hồ Xuân Hương (đoạn nối dài), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	0,80	TT Đắk Tô
36	Sửa chữa đường đi sản xuất đập Cầu Ri (Thôn 4)	0,05	xã Diên Bình
37	Đường ngang số 3 (Thôn 8)	0,20	xã Diên Bình
38	Đường bà Hai Ga (Thôn 4)	0,09	xã Diên Bình
39	Đường bê tông vào khu nghĩa trang xã Kon Đào	0,10	xã Kon Đào
40	Đường GTNT thôn Đắk Rao Nhỏ (Đoạn từ nhà ông Cam đến nhà ông Chung)	0,05	xã Pô Kô
41	Dự án sản xuất nông nghiệp trang trại tổng hợp Trường Giang - Diên Bình	0,82	Xã Diên Bình
42	Dự án sản xuất nông nghiệp trang trại tổng hợp Như Thành - Diên Bình	0,86	Xã Diên Bình
43	Dự án sản xuất nông nghiệp trang trại tổng hợp Bảo Tâm - Diên Bình	0,82	Xã Diên Bình
44	Trang trại tổng hợp Nguyễn Tâm - Đắk Tô trên địa bàn khối 2, thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô của hộ kinh doanh Nguyễn Tâm	0,86	TT Đắk Tô
45	Trang trại tổng hợp Nguyễn Thị Hà - Đắk Tô trên địa bàn khối 2, thị trấn Đắk Tô của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hà	1,39	TT Đắk Tô
46	Trang trại tổng hợp Pô Kô tại thôn Kon Tu Dốp 2, xã Pô Kô của hộ kinh doanh Nguyễn Bá Tâm	3,54	xã Pô Kô

* Danh mục các công trình dự án chưa thực hiện trong năm 2021

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 10MW	17,83	xã Tân Cảnh
2	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	0,11	TT Đắk Tô
3	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô	0,53	TT Đắk Tô

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
4	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng), thị trấn Đắk Tô)	0,21	TT Đắk Tô
5	Đường Phạm Hồng Thái (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến nhà bà Y Phú)	1,00	TT Đắk Tô
6	Cấp nước sinh hoạt thôn Đắk Chờ, thôn Đắk Nu, thôn Đắk No và thôn Đắk Tăng	0,24	xã Ngọc Tụ
7	Cấp nước sinh hoạt xã Diên Bình	0,09	xã Diên Bình
8	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh	0,56	xã Tân Cảnh
9	Hồ Kon Tu Zốp thuộc Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) tỉnh Kon Tum	1,61	xã Pô Kô
10	Cấp nước sinh hoạt (đập đầu nguồn)	0,10	xã Kon Đào
11	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Đắk Trăm	0,37	xã Đắk Trăm
12	Xây dựng trường tiểu học xã Pô Kô (Điểm trường Kon Tu Dốp 1)	0,09	xã Pô Kô
13	Trường Mầm non Văn Lem (Điểm trường thôn Tê Rông)	0,18	xã Văn Lem
14	Nhà văn hóa đa năng xã Pô Kô	0,08	xã Pô Kô
15	Dự án: Hạ tầng khu quy hoạch xây dựng Nhà Văn hóa trung tâm và sửa chữa quảng trường huyện	2,00	TT Đắk Tô
16	Trường tiểu học xã Đắk Trăm, huyện Đắk Tô (hạng mục: 08 phòng học)	1,30	xã Đắk Trăm
17	Nhà máy chế biến đá thạch anh nhân tạo của Công ty Cổ phần khoáng sản Lộc Thiên Phú (nằm trong cụm công nghiệp phía Tây)	3,50	TT Đắk Tô
18	Dự án đầu tư hạ để sắp xếp dân cư bố trí đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên diện tích 6.3 ha của công ty TNHH MTV Cao Su Kon Tum tại thôn Đắk Ri Pen 2	6,30	xã Tân Cảnh
19	Quỹ đất đầu giá đường Nguyễn Lương Bằng (Đoạn từ Âu Cơ đến Phạm Văn Đồng)	0,11	TT Đắk Tô
20	Quỹ đất đầu giá đường Âu Cơ	0,28	TT Đắk Tô
21	Quỹ đất đầu giá đường Phạm Văn Đồng	0,28	TT Đắk Tô
22	Quỹ đất đầu giá đường Huỳnh Đăng Thơ	0,68	TT Đắk Tô
23	Quỹ đất đầu giá đường Lê Hữu Trác	1,40	TT Đắk Tô
24	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở đường Trường Chinh	2,79	TT Đắk Tô

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
25	Chuyển mục đích sang đất ở đường Mai Hắc Đế	0,83	TT Đắk Tô
26	Chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm sang đất ở nông thôn (Thôn 8)	0,80	xã Diên Bình
27	Đấu giá quyền sử dụng đất nằm trên đường vào trung đoàn 24 và đường bê tông (quy hoạch rộng 12m) khu vực quy hoạch phân lô chi tiết thôn 2, xã Tân Cảnh (thuộc đường nhánh nối Quốc lộ 14, các tuyến đường khu quy hoạch mới sau UBND xã	0,40	xã Tân Cảnh
28	Đấu giá thực hiện dự án nhà phố thương mại - chợ trung tâm Đắk Tô	0,22	TT Đắk Tô
29	Dự án đầu tư khai thác quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án	6,05	TT Đắk Tô
30	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khu vực thôn 2, xã Tân cảnh (Các đường nhánh nội thôn nối Quốc lộ 14)	1,00	xã Tân Cảnh
31	Chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản	0,26	xã Diên Bình
32	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	4,00	xã Diên Bình
33	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1,81	xã Đắk Trăm
34	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	0,89	xã Ngọc Tụ
35	Mặt bằng sân công nghiệp để khai thác cát làm VLXD thông thường	0,10	xã Ngọc Tụ
36	Chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản	0,37	xã Kon Đào
37	Chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản	0,36	xã Kon Đào
38	Chuyển đổi mục đích sang làm khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản	0,16	xã Kon Đào
39	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	9,94	xã Đắk Rơ Nga
40	Mặt bằng sân công nghiệp để khai thác cát làm VLXD thông thường	0,37	xã Đắk Rơ Nga
41	Đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm (MB chế biêt, tập kết cát sỏi) khối 1	0,75	TT Đắk Tô
42	Trang trại nấm Yến Anh Sài Gòn và Trang trại nấm Hương Dương Kon Đào	2,07	xã Kon Đào
43	Dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng trang trại chăn nuôi xã Kon Đào	1,51	xã Kon Đào
44	Dự kiến vùng đất trồng cây dược liệu	4,50	Xã Tân Cảnh

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
45	Dự kiến vùng trồng cây dược liệu	7,60	xã Đắk Trăm
46	Dự kiến đất trồng cây dược liệu	23,60	xã Văn Lem
47	Đất đấu giá cho thuê để xây dựng nhà hàng, khách sạn (đất Viện kiểm sát cũ)	0,14	TT Đắk Tô
48	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Kon Tu Peng)	0,06	xã Pô Kô
49	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Kon Tu Dốp 2)	0,25	xã Pô Kô
50	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Kon Tu Dốp 2)	0,66	xã Pô Kô
51	Chuyển đổi mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Đắk Sing)	0,33	xã Văn Lem
52	Chuyển đổi mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Măng rưng)	0,54	xã Văn Lem
53	Chuyển đổi mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Trạm cân thôn Đắk Dê)	0,23	xã Đắk Rơ Nga
54	Trạm biến áp 110kV Bờ Y và đấu nối	0,48	TT Đắk Tô
55	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Kon Tum	0,03	Thị trấn, Kon Đào, Diên Bình
56	Xây dựng thủy điện Đắk Psi 6 công suất 9,5MW	9,73	xã Diên Bình
57	Đường Âu Cơ (đoạn từ Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Thị Minh Khai), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	0,50	TT Đắk Tô
58	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Âu Cơ), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	0,30	TT Đắk Tô
59	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	1,25	TT Đắk Tô
60	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	0,45	TT Đắk Tô
61	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	0,60	TT Đắk Tô
62	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	0,50	TT Đắk Tô
63	Mở rộng đường bê tông Đắk Mốt đoạn ông Ngũ	0,15	xã Tân Cảnh
64	Dự án: Đường và hệ thống điện vào Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô (Giai đoạn 1)	0,16	TT Đắk Tô

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
65	Kè chống sạt lở sông Đăk Tô Kan – Đăk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đăk Tô	30,00	TT Đăk Tô
66	Trường tiểu học Đăk Rơ Nga (Điểm trường thôn Đăk Kon)	0,07	xã Đăk Rơ Nga
67	Xây dựng điểm trường Mầm non thôn Đăk Mơ Ham	0,05	xã Pô Kô
68	Cụm Công nghiệp phía Tây thị trấn Đăk Tô (Hạng mục Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đăk Tô)	50,00	TT Đăk Tô
69	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác	3,40	TT Đăk Tô
70	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác	0,17	TT Đăk Tô
71	Dự án sản xuất nông nghiệp trang trại tổng hợp Quang Thuận - Tân Cảnh	1,01	Xã Tân Cảnh
72	Khu phụ trợ, bãi tập kết khoáng sản thông thường tại điểm mỏ cát khối 1, TT Đăk Tô	0,02	TT Đăk Tô
73	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	1,00	xã Tân Cảnh
74	Khu du lịch thác Đăk Sing	20,00	xã Kon Đào
75	Khu du lịch suối nước nóng	40,00	xã Kon Đào
76	Đấu giá quyền sử dụng đất Trên tuyến đường nhánh đoạn từ Hà Huy Tập đến đường QH TT thương mại)	0,70	TT Đăk Tô
77	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực vườn rau tập trung khối 7, thị trấn Đăk Tô	4,39	TT Đăk Tô
78	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực vườn ươm khuyến nông khối 7, thị trấn Đăk Tô	2,06	TT Đăk Tô
79	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng cây đa khối 7, thị trấn Đăk Tô	1,34	TT Đăk Tô
80	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đăk Tô (Vị trí 1)	3,81	TT Đăk Tô
81	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đăk Tô (Vị trí 2)	2,11	TT Đăk Tô
82	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Lò gạch cũ khối 7, thị trấn Đăk Tô	0,90	TT Đăk Tô
83	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Xóm chùa thôn 2, xã Diên Bình	0,91	xã Diên Bình
84	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Cây Hương, thôn 1, xã Diên Bình	1,42	xã Diên Bình
85	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá đồng ông Tâm, thôn 1, xã Diên Bình	1,45	xã Diên Bình

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
86	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực trồng rau sạch cây đa Diên Bình, thôn 1, xã Diên Bình	3,69	xã Diên Bình
87	Dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đắk Rơ Nga	14,41	xã Đắk Rơ Nga
88	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	xã Kon Đào

* Trong năm 2021, UBND tỉnh đã thống nhất cho phép bổ sung đối với 02 công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, cụ thể:

- Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đắk Rơ Nga của Công ty TNHH Ba Farm tại thôn Đắk Manh II, xã Đắk Rơ Nga, huyện Đắk Tô theo các Quyết định chủ trương đầu tư⁽¹⁾ đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum với diện tích là 16,58 ha (được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 935/QĐ-UBND, ngày 12/10/2021 về việc chấp thuận và cho phép điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất, cập nhật bổ sung dự án, công trình vào Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Đắk Tô). Trong năm 2021, Công ty TNHH Ba Farm đã liên hệ với các ngành chức năng của tỉnh để lập các thủ tục về đất đai (thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất) và đã được UBND tỉnh cho Công ty TNHH Ba Farm thuê đất để thực hiện dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao tại thôn Đắk Manh 2, xã Đắk Rơ Nga, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum với diện tích cho thuê là 16.275,4m² (tại Quyết định số 22/QĐ-UBND, ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh Kon Tum). Hiện nay, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý về xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND huyện đề nghị chuyển tiếp Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đắk Rơ Nga để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, làm cơ sở để triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý về đất đai trong năm 2022 theo đúng quy định (trong trường hợp Công ty chưa hoàn thiện xong các thủ tục đất đai liên quan).

- Bổ sung điểm mỏ có số hiệu quy hoạch số 67 tại xã Kon Đào, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đắk Tô với diện tích 6,4ha (được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 936/QĐ-UBND, ngày 13/10/2021 về việc cập nhật dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Đắk Tô).

Vừa qua, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum, trong đó có mỏ đá Kon Đào trên địa bàn

⁽¹⁾ Quyết định 739/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; Quyết định 876/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

huyện Đắk Tô. Ngày 21/3/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông báo số 55/TB-STNMT thông báo Kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum (đợt 2) năm 2021. Theo đó, Công ty TNHH TV XD Thành Hưng là đơn vị trúng đấu giá đối với điểm mỏ đá tại thôn 3, xã Kon Đào, huyện Đắk Tô (có Thông báo kèm theo). Sau khi được UBND tỉnh công nhận kết quả trúng đấu giá, Công ty sẽ tiến hành lập các thủ tục liên quan đến việc cấp phép quyền khai thác khoáng sản, trong đó có các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đất đai. Vì vậy, UBND huyện đề nghị chuyển tiếp Dự án này để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, làm cơ sở để triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý về đất đai trong năm 2022 theo đúng quy định.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất huyện Đắk Tô năm 2021 nhìn chung có nhiều chỉ tiêu đạt tỷ lệ, tuy nhiên cũng có những chỉ tiêu không đạt do trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất. Tiến độ thực hiện các công trình, dự án còn chậm so với tiến độ được cấp phép, nhiều công trình đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, giao mặt bằng nhưng chậm triển khai thực hiện, gây lãng phí nguồn tài nguyên đất đai.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, thời gian thực hiện kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng chưa thực hiện.

2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Việc tổ chức thực hiện phương án kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt còn thiếu đồng bộ, thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát. Một số phương án kế hoạch chưa được dự báo sát với tốc độ phát triển kinh tế-xã hội của huyện, việc lựa chọn địa điểm xây dựng dự án chưa phù hợp với khả năng thực hiện, không thu hút được nhà đầu tư. Dẫn đến một số chỉ tiêu kế hoạch chưa đạt.

Đa số cán bộ địa chính xã chủ yếu thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kiêm nhiệm nhiều việc, chưa đầu tư quan tâm đến công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Chất lượng của một số dự án đầu tư trong kế hoạch sử dụng đất chưa cao, chưa có tầm nhìn dài hạn, chưa căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội nhất là phân tích và dự báo thị trường và năng lực cạnh tranh.

Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng gặp khó khăn chậm tiến độ,

việc đầu tư xây dựng các dự án chậm tiến độ do người dân chưa được hiểu hết các quy định của văn bản Pháp luật như: Luật Đất đai, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành lĩnh vực

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Đắk Tô trong năm 2022, cụ thể như sau:

a. Đất nông nghiệp

- Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp năm 2022 là 44.823,27 ha. Trong đó:

- + Đất trồng lúa 1.272,85 ha.
- + Đất trồng cây hàng năm khác 11.128,63 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm 15.878,04 ha.
- + Đất rừng phòng hộ 2.450,30 ha.
- + Đất rừng sản xuất 13.870,72 ha.
- + Đất nuôi trồng thủy sản 121,80 ha.
- + Đất nông nghiệp khác 100,93 ha.

- Diện tích đất nông nghiệp phân bổ cho các xã, thị trấn sau:

- + Thị trấn Đắk Tô 3.162,56 ha;
- + Xã Diên Bình 3.711,86 ha;
- + Xã Đắk Rơ Nga 10.429,92 ha;
- + Xã Đắk Trăm 4.584,49 ha;
- + Xã Kon Đào 2.701,78 ha;
- + Xã Ngọc Tụ 4.810,34 ha;
- + Xã Pô Kô 7.292,09 ha;
- + Xã Tân Cảnh 3.892,28 ha;
- + Xã Văn Lem 4.237,95 ha.

b. Đất phi nông nghiệp

- Nhu cầu sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2022 là 5.542,67 ha. Trong đó:

- + Đất quốc phòng: 951,34 ha.
- + Đất an ninh: 2,34 ha.

- + Đất khu công nghiệp: 150,00 ha.
- + Đất cụm công nghiệp: 33,52 ha.
- + Đất thương mại, dịch vụ: 12,93 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất, phi nông nghiệp: 73,75 ha.
- + Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 58,03 ha.
- + Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 30,72 ha.
- + Đất phát triển hạ tầng: 2.822,61 ha.
- + Đất sinh hoạt cộng đồng: 11,07 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng: 2,18 ha.
- + Đất ở tại nông thôn: 456,03 ha.
- + Đất ở tại đô thị: 140,01 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 12,44 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 4,88 ha.
- + Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 778,71 ha.
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,81 ha.
- + Đất phi nông nghiệp khác: 1,30 ha.
- Diện tích đất phi nông nghiệp được phân bổ cho các xã, thị trấn như sau:
 - + Thị trấn Đắk Tô 771,45 ha;
 - + Xã Diên Bình 891,93 ha;
 - + Xã Đắk Rơ Nga 344,36 ha;
 - + Xã Đắk Trăm 364,69 ha;
 - + Xã Kon Đào 613,38 ha;
 - + Xã Ngọc Tụ 422,22 ha;
 - + Xã Pô Kô 781,66 ha;
 - + Xã Tân Cảnh 1.189,40 ha;
 - + Xã Văn Lem 163,58 ha.

c. Đất chưa sử dụng

Đến năm 2022 đất chưa sử dụng còn 504,37 ha. Diện tích đất chưa sử dụng được phân bổ cho thị trấn, các xã sau:

- + Thị trấn Đắk Tô 19,04 ha;

- + Xã Diên Bình 21,68 ha;
- + Xã Đắk Rơ Nga 33,79 ha;
- + Xã Đắk Trăm 58,14 ha;
- + Xã Kon Đào 45,85 ha;
- + Xã Ngọc Tụ 56,50 ha;
- + Xã Pô Kô 102,25 ha;
- + Xã Tân Cảnh 2,60 ha;
- + Xã Văn Lem 164,52 ha.

3.1.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Trong kế hoạch sử dụng đất năm trước vẫn còn một số chỉ tiêu chưa thực hiện hết cần phải đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Tô để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, cụ thể các chỉ tiêu sau:

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Trụ sở Công an thị trấn Đắk Tô	0,10	TT Đắk Tô
2	Trụ sở Công an xã Diên Bình	0,10	xã Diên Bình
3	Trụ sở Công an xã Tân Cảnh	0,10	xã Tân Cảnh
4	Trụ sở Công an xã Đắk Rơ Nga	0,10	xã Đắk Rơ Nga
5	Trụ sở Công an xã Kon Đào	0,10	xã Kon Đào
6	Trụ sở Công an xã Văn Lem	0,10	xã Văn Lem
7	Trụ sở Công an xã Pô Kô	0,10	xã Pô Kô
8	Trụ sở Công an xã Đắk Trăm	0,10	xã Đắk Trăm
9	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	0,53	TT Đắk Tô
10	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng)	0,21	TT Đắk Tô
11	Đường Phạm Hồng Thái (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến nhà bà Y Phú)	1,00	TT Đắk Tô
12	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đoạn từ Hùng Vương đến Phạm Văn Đồng)	0,50	TT Đắk Tô
13	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Võ Thị Sáu)	0,41	TT Đắk Tô
14	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	0,75	TT Đắk Tô
15	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	0,61	TT Đắk Tô
16	Đường và hệ thống điện vào Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô (Giai đoạn 1)	1,60	TT Đắk Tô

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
17	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Âu Cơ), thị trấn Đắk Tô	0,31	TT Đắk Tô
18	Đường Âu Cơ (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	0,50	TT Đắk Tô
19	Hồ Kon Tu Zốp thuộc Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) tỉnh Kon Tum. Hạng mục "Đường thi công vận hành"	1,57	xã Pô Kô
20	Cấp nước sinh hoạt xã Diên Bình	0,09	Xã Diên Bình
21	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh	0,56	Xã Tân Cảnh
22	Cấp nước sinh hoạt xã Đắk Trăm	0,37	Xã Đắk Trăm
23	Cấp nước sinh hoạt thôn Đắk Chờ, thôn Đắk Nu, thôn Đắk No và thôn Đắk Tăng	0,05	Xã Ngok Tụ
24	Xây dựng trường Tiểu học Pô Kô (Điểm trường thôn Kon Tu Dốp 1)	0,09	xã Pô Kô
25	Nhà văn hóa đa năng xã Pô Kô	0,09	xã Pô Kô
26	Dự án: Hạ tầng khu quy hoạch xây dựng Nhà Văn hóa trung tâm và sửa chữa quảng trường huyện	2,00	TT Đắk Tô
27	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 13 MW	34,72	Xã Tân Cảnh, xã Ngok Tụ, xã Đắk Rơ Nga
28	Xây dựng thủy điện Đắk Psi 6 công suất 9,5MW	9,73	Xã Diên Bình
29	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	0,20	TT Đắk Tô, xã Diên Bình
30	Trạm biến áp 110kV Bờ Y và đấu nối	0,48	TT Đắk Tô
31	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía tây thị trấn Đắk Tô (Phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thu hút đầu tư thực hiện dự án trong cụm công nghiệp)	13,04	TT Đắk Tô
32	Nhà máy chế biến đá thạch anh nhân tạo của Công ty Cổ phần khoáng sản Lộc Thiên Phú (nằm trong cụm công nghiệp phía Tây)	3,50	TT Đắk Tô
33	Đầu tư cơ sở hạ tầng, sắp xếp dân cư bố trí đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên diện tích 6.3 ha của công ty TNHH MTV Cao Su Kon Tum tại thôn Đắk Ri Peng 2	6,30	Xã Tân Cảnh
34	Dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đắk Rơ Nga	17,15	Xã Đắk Rơ Nga
35	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	xã Kon Đào
36	Trang trại nấm Yên Anh Sài Gòn và Trang trại nấm Hương Dương Kon Đào	2,07	xã Kon Đào
37	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực vườn ươm khuyến nông khối 7, thị trấn Đắk Tô	2,06	TT Đắk Tô

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa điểm
38	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng cây đa khối 7, thị trấn Đắk Tô	1,34	TT Đắk Tô
39	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đắk Tô (Vị trí 1)	3,81	TT Đắk Tô
40	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Đồng Hồ Tròn khối 7, thị trấn Đắk Tô (Vị trí 2)	2,11	TT Đắk Tô
41	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực Lò gạch cũ khối 7, thị trấn Đắk Tô	0,90	TT Đắk Tô
42	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Xóm chùa thôn 2, xã Diên Bình	0,91	xã Diên Bình
43	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá Cây Hương, thôn 1, xã Diên Bình	1,42	xã Diên Bình
44	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực ao cá đồng ông Tâm, thôn 1, xã Diên Bình	1,45	xã Diên Bình
45	Đấu giá cho thuê quỹ đất công ích khu vực trồng rau sạch cây đa Diên Bình, thôn 1, xã Diên Bình	3,69	xã Diên Bình
46	Dự án trồng cây dược liệu	7,60	xã Đắk Trăm
47	Dự án trồng cây dược liệu	23,60	xã Văn Lem
48	Dự án trồng cây dược liệu	4,50	Xã Tân Cảnh
49	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường	0,94	Xã Ngọc Tú
50	Khu khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường - thôn Đắk Kon	9,34	Xã Đắk Rơ Nga
51	Khu mở khai thác: tại khu vực giáp ranh giữa thôn 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi và thôn Đắk Kon, xã Đắk Rơ Nga, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Công ty TNHH xây dựng Đức Tiến Đắk Gle)	0,60	Xã Đắk Rơ Nga

3.1.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

a/ Kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 45.030,13 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 44.823,27 ha (chiếm 88,11% tổng diện tích tự nhiên), giảm 206,86 ha so với hiện trạng năm 2021, bao gồm:

a.1/ Đất trồng lúa

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 1.277,44 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 1.272,85 ha, chiếm 2,84% diện tích đất nông nghiệp (trong đó đất chuyên trồng lúa nước 1.079,20 ha), giảm 4,59 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 1.272,85 ha, giảm 4,59 ha do chuyển sang đất quốc phòng 2,00 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,04 ha; đất phát triển hạ tầng 2,55 ha (*đất thủy lợi*). Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 2: Danh mục công trình sử dụng đất trồng lúa

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
	Đất quốc phòng		
1	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	83,23	Xã Đắk Rơ Nga
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
2	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	Xã Kon Đào
	Đất thủy lợi		
3	Kè chống sạt lở bờ hai bên đầu Cầu 42 và bên phía bờ đông sông Đắk Tô Kan (Đoạn từ Cầu 42 đến suối Hồ Sen)	1,53	Thị trấn Đắk Tô
4	Dự án Cùm hồ Đắk Rô Gia - Ia Tun.	38,39	Xã Đắk Trăm
5	Hiện đại hóa Thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô - Ngọc Hồi thuộc Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" (ADB9)	11,70	Xã Diên Bình

a.2/ Đất trồng cây hàng năm khác

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 11.222,84 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 11.128,63 ha, chiếm 24,83% diện tích đất nông nghiệp, giảm 94,21 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 11.128,63 ha, giảm 94,21 ha do chuyển sang nông nghiệp khác 4,36 ha; đất quốc phòng 40,10 ha; đất an ninh 0,10 ha; đất cụm công nghiệp 2,29 ha; đất thương mại dịch vụ 1,40 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,21 ha; đất cho hoạt động khoáng sản 10,25 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 2,55 ha; đất phát triển hạ tầng 21,91 ha (đất giao thông 1,92 ha; đất thủy lợi 19,22 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo 0,05 ha; đất năng lượng 0,72 ha); đất ở tại nông thôn 10,74 ha; đất ở tại đô thị 0,30 ha. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 3: Danh mục công trình sử dụng đất trồng cây hàng năm khác

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
	Đất nông nghiệp khác		
1	Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ khép kín Đắk Rơ Nga 2	13,50	Xã Đắk Rơ Nga

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
2	Trang trại chăn nuôi	0,85	Xã Kon Đào
3	Trang trại chăn nuôi	2,10	Xã Kon Đào
4	Xây dựng trang trại chăn nuôi (Khối 6)	0,17	Thị trấn Đắk Tô
	Đất quốc phòng		
5	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	83,23	Xã Đắk Rơ Nga
	Đất an ninh		
6	Trụ sở Công an thị trấn Đắk Tô	0,10	Thị trấn Đắk Tô
	Đất cụm công nghiệp		
7	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía tây thị trấn Đắk Tô (Phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thu hút đầu tư thực hiện dự án trong cụm công nghiệp)	16,54	Thị trấn Đắk Tô và Xã Tân Cảnh
	Đất thương mại, dịch vụ		
8	Cửa hàng xăng dầu Tạo Thành.	0,20	Xã Ngọc Tụ
9	Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe cơ giới loại 1 và trung tâm đăng kiểm xe cơ giới huyện Đắk Tô	5,17	Xã Tân Cảnh
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
10	Chuyển đổi mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	3,11	Xã Tân Cảnh
	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		
11	Dự án Khai thác đá thạch anh công ty Lộc Thiên Phú	46,10	Xã Pô Kô
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
12	Mặt bằng sản công nghiệp để khai thác cát làm VLXD thông thường xã Diên Bình (Thôn 1)	0,44	Xã Diên Bình
13	Mặt bằng sản công nghiệp để khai thác cát làm VLXD thông thường (Thôn Đắk Tông)	0,32	Xã Ngọc Tụ
14	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	Xã Kon Đào
15	Bến bãi tập kết cát, sỏi thôn Đắk Rô Gia	0,25	Xã Đắk Trăm
	Đất giao thông		
16	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đoạn từ Hùng Vương đến Phạm Văn Đồng)	0,50	TT Đắk Tô
17	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Võ Thị Sáu)	0,41	TT Đắk Tô
18	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	0,75	TT Đắk Tô
19	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	0,61	TT Đắk Tô
20	Đường và hệ thống điện vào Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô (Giai đoạn 1)	1,60	TT Đắk Tô
21	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Âu Cơ), thị trấn Đắk Tô	0,31	TT Đắk Tô

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
22	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	0,53	TT Đắk Tô
23	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng)	0,21	TT Đắk Tô
24	Đường Âu Cơ (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	0,50	TT Đắk Tô
	Đất thủy lợi		
25	Kè chống sạt lở bờ hai bên đầu Cầu 42 và bên phía bờ đông sông Đắk Tô Kan (Đoạn từ Cầu 42 đến suối Hồ Sen)	1,53	TT Đắk Tô
26	Cấp nước sinh hoạt xã Đắk Trăm	0,37	Xã Đắk Trăm
27	Cấp nước sinh hoạt thôn Đắk Chờ, thôn Đắk Nu, thôn Đắk No và thôn Đắk Tăng	0,05	Xã Ngọc Tụ
28	Thủy lợi A Dem	0,20	Xã Kon Đào
29	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Pung	0,50	Xã Đắk Rơ Nga
30	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Măng Rương	0,50	Xã Văn Lem
31	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Mơ Ham	0,50	Xã Pô Kô
32	Dự án Cụm hồ Đắk Rô Gia - Ia Tun.	38,39	Xã Đắk Trăm
33	Hiện đại hóa Thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô - Ngọc Hồi thuộc Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" (ADB9)	11,70	Xã Diên Bình
34	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Đắk Tô (Cụm đầu mối) và khu xử lý nước	0,10	Xã Kon Đào
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo		
35	Trường mầm non Pô Kô, điểm trường trung tâm thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà để xe và các hạng mục phụ trợ	0,05	Xã Pô Kô
	Đất công trình năng lượng		
36	Đường dây trung thế 22kV, trạm biến áp và đường dây hạ thế 0,4kV	0,20	Xã Tân Cảnh
37	Trạm Biến áp 110kV Đắk Tô	0,78	Thị trấn Đắk Tô
38	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	0,10	TT Đắk Tô
39	Trạm biến áp 110kV Bờ Y và đầu nối	0,48	TT Đắk Tô
40	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Kon Tum	0,03	Huyện Đắk Tô
41	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 13MW	25,40	Xã Tân Cảnh
	Đất ở tại nông thôn		
42	Đấu giá đất thôn 2 xã Tân Cảnh	0,85	Xã Tân Cảnh
43	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Đắk Rơ Nga	2,00	Xã Đắk Rơ Nga
44	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Đắk Trăm	2,00	Xã Đắk Trăm

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
45	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Kon Đào	4,00	Xã Kon Đào
46	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Ngọc Tụ	3,00	Xã Ngọc Tụ
47	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Pô Kô	2,50	Xã Pô Kô
48	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Tân Cảnh	3,50	Xã Tân Cảnh
49	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Văn Lem	3,00	Xã Văn Lem
50	Đấu giá đất thôn 6 xã Kon Đào	0,23	Xã Kon Đào
	Đất ở tại đô thị		
51	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân Thị trấn Đắk Tô	5,00	TT Đắk Tô

a.3/ Đất trồng cây lâu năm

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 16.013,36 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 15.878,04 ha, chiếm 35,42% diện tích đất nông nghiệp; giảm 135,32 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 15.878,04 ha, giảm 135,32 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 56,84 ha; đất quốc phòng 3,00 ha; đất an ninh 0,10 ha; đất cụm công nghiệp 13,76 ha; đất thương mại, dịch vụ 4,07 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 4,21 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 4,79 ha; đất phát triển hạ tầng 30,85 ha (đất giao thông 3,57 ha; đất thủy lợi 15,57 ha; đất năng lượng 10,49 ha; đất cơ sở tôn giáo 1,22 ha); đất ở tại nông thôn 13,00 ha; đất ở tại đô thị 4,70 ha. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 4: Danh mục công trình sử dụng đất trồng cây lâu năm

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
	Đất nông nghiệp khác		
1	Dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đắk Rơ Nga	17,15	Xã Đắk Rơ Nga
2	Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ khép kín Đắk Rơ Nga 2	13,50	Xã Đắk Rơ Nga
3	Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ khép kín Đắk Rơ Nga 3	12,20	Xã Đắk Rơ Nga
4	Dự án trang trại chăn nuôi xã Kon Đào	3,25	Xã Kon Đào
5	Trang trại chăn nuôi	1,80	Xã Kon Đào
6	Trang trại chăn nuôi	3,35	Xã Kon Đào
7	Trang trại chăn nuôi	0,75	Xã Kon Đào

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
8	Trang trại chăn nuôi	1,65	Xã Kon Đào
9	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	6,51	TT Đắk Tô
10	Trang trại nấm Yến Anh Sài Gòn và Trang trại nấm Hướng Dương Kon Đào	2,07	Xã Kon Đào
	Đất quốc phòng		
11	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	83,23	Xã Đắk Rơ Nga
	Đất an ninh		
12	Trụ sở Công an xã Pô Kô	0,10	Xã Pô Kô
	Đất cụm công nghiệp		
13	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía tây thị trấn Đắk Tô (Phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thu hút đầu tư thực hiện dự án trong cụm công nghiệp)	16,54	Thị trấn Đắk Tô và Xã Tân Cảnh
	Đất thương mại, dịch vụ		
14	Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe cơ giới loại 1 và trung tâm đăng kiểm xe cơ giới huyện Đắk Tô	5,17	Xã Tân Cảnh
15	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Thôn Kon Tu Peng)	0,10	Xã Pô Kô
	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp		
16	Nhà máy chế biến dược liệu - Kotinochi	0,20	Xã Văn Lem
17	Chuyển đổi mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Thôn 3)	1,11	Xã Kon Đào
18	Chuyển đổi mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	3,11	Xã Tân Cảnh
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
19	Bãi tập kết cát xây dựng khối 1	0,10	TT Đắk Tô
20	bãi tập kết cát xây dựng xã Tân Cảnh (Thôn 5)	0,10	Xã Tân Cảnh
21	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	Xã Kon Đào
	Đất giao thông		
22	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đoạn từ Hùng Vương đến Phạm Văn Đồng)	0,50	TT Đắk Tô
23	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Võ Thị Sáu)	0,41	TT Đắk Tô
24	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	0,75	TT Đắk Tô
25	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	0,61	TT Đắk Tô
26	Đường và hệ thống điện vào Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô (Giai đoạn 1)	1,60	TT Đắk Tô
27	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Âu Cơ), thị trấn Đắk Tô	0,31	TT Đắk Tô

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
28	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	0,53	TT Đắk Tô
29	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng)	0,21	TT Đắk Tô
30	Đường Phạm Hồng Thái (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến nhà bà Y Phú)	1,00	TT Đắk Tô
31	Đường Âu Cơ (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	0,50	TT Đắk Tô
32	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Manh 2 (Đoạn bắt đầu từ nhà Rông thôn Đắk Manh 2)	2,50	Xã Đắk Rơ Nga
	Đất thủy lợi		
33	Cấp nước sinh hoạt xã Diên Bình	0,09	Xã Diên Bình
34	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh	0,56	Xã Tân Cảnh
35	Dự án Cùm hồ Đắk Rô Gia - Ia Tun.	38,39	Xã Đắk Trăm
36	Hiện đại hóa Thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô - Ngọc Hồi thuộc Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" (ADB9)	11,70	Xã Diên Bình
37	Xây dựng đài cấp nước sạch	0,06	Xã Pô Kô
	Đất công trình năng lượng		
38	Nâng cao khoảng cách pha - đất khoảng cột 2144-2145 đường dây 500kV Thạnh Mỹ - 583 Pleiku 2	0,02	Xã Tân Cảnh
39	Đường dây trung thế 22kV, trạm biến áp và đường dây hạ thế 0,4kV	0,20	Xã Tân Cảnh
40	Trạm Biến áp 110kV Đắk Tô	0,78	Thị trấn Đắk Tô
41	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	0,10	TT Đắk Tô
42	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	0,10	Xã Diên Bình
43	Trạm biến áp 110kV Bờ Y và đầu nối	0,48	TT Đắk Tô
44	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Kon Tum	0,03	Huyện Đắk Tô
45	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 13MW	25,40	Xã Tân Cảnh
46	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 13MW	7,77	Xã Ngọc Tụ
47	Xây dựng thủy điện Đắk Psi 6 công suất 9,5MW	9,73	Xã Diên Bình
	Đất cơ sở tôn giáo		
48	Giao đất cho Tòa Giám mục Kon Tum để xây dựng cơ sở thờ tự phục vụ sinh hoạt Tôn giáo	1,98	Thị trấn Đắk Tô
	Đất ở tại nông thôn		
49	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Diên Bình	3,00	Xã Diên Bình

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
50	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Đắk Rơ Nga	2,00	Xã Đắk Rơ Nga
51	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Kon Đào	4,00	Xã Kon Đào
52	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Ngọc Tụ	3,00	Xã Ngọc Tụ
53	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Pô Kô	2,50	Xã Pô Kô
54	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Tân Cảnh	3,50	Xã Tân Cảnh
55	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Văn Lem	3,00	Xã Văn Lem
	Đất ở tại đô thị		
56	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân Thị trấn Đắk Tô	5,00	TT Đắk Tô

a.4/ Đất rừng phòng hộ

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 2.450,30 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 2.450,30 ha, chiếm 5,50% diện tích đất nông nghiệp, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2021.

a.5/ Đất rừng sản xuất

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 13.907,02 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 13.870,72 ha, chiếm 30,95% diện tích đất nông nghiệp, giảm 36,30 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 13.870,72 ha, giảm 36,30 ha do chuyển sang đất cho hoạt động khoáng sản 35,85 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,05 ha; đất ở tại đô thị 0,40 ha. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 5: Danh mục công trình sử dụng đất rừng sản xuất

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản		
1	Dự án Khai thác đá thạch anh công ty Lộc Thiên Phú	46,10	Xã Pô Kô
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
2	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	Xã Kon Đào
	Đất ở tại đô thị		
3	Quỹ đất đầu giá đường Ngô Tiến Dũng	0,40	TT Đắk Tô

a.6/ Đất nuôi trồng thủy sản

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 123,59 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 121,80 ha, chiếm 0,27% diện tích đất nông nghiệp, giảm 1,79 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 121,80 ha, giảm 1,79 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 1,50 ha; đất phát triển hạ tầng 0,29 ha (*đất thủy lợi 0,20 ha; đất năng lượng 0,09 ha*). Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 6: Danh mục công trình sử dụng đất nuôi trồng thủy sản

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
	Đất nông nghiệp khác		
1	Dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đắk Rơ Nga	17,15	Xã Đắk Rơ Nga
	Đất thủy lợi		
2	Kè chống sạt lở sông Đắk Tờ Kan – Đắk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đắk Tô	30,00	TT Đắk Tô
3	Hiện đại hóa Thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô - Ngọc Hồi thuộc Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" (ADB9)	11,70	Xã Diên Bình
	Đất công trình năng lượng		
4	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 13MW	25,40	Xã Tân Cảnh

a.7/ Đất nông nghiệp khác

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 35,58 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 100,93 ha, chiếm 0,23% diện tích đất nông nghiệp, tăng 65,35 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 35,58 ha.

- Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 65,35 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 4,36 ha; đất trồng cây lâu năm 56,84 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,50 ha; đất phát triển hạ tầng 0,54 ha (*đất giao thông*); đất chưa sử dụng 2,11 ha. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 7: Danh mục công trình đất nông nghiệp khác

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
1	Dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đắk Rơ Nga	17,15	Xã Đắk Rơ Nga
2	Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ khép kín Đắk Rơ Nga 2	13,50	Xã Đắk Rơ Nga
3	Dự án Trang trại chăn nuôi công nghệ khép kín Đắk Rơ Nga 3	12,20	Xã Đắk Rơ Nga

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa điểm
4	Dự án trang trại chăn nuôi xã Kon Đào	3,25	Xã Kon Đào
5	Trang trại chăn nuôi	1,80	Xã Kon Đào
6	Trang trại chăn nuôi	0,85	Xã Kon Đào
7	Trang trại chăn nuôi	3,35	Xã Kon Đào
8	Trang trại chăn nuôi	0,75	Xã Kon Đào
9	Trang trại chăn nuôi	1,65	Xã Kon Đào
10	Trang trại chăn nuôi	2,10	Xã Kon Đào
11	Xây dựng trang trại chăn nuôi (Khối 6)	0,17	TT Đăk Tô
12	Chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	6,51	TT Đăk Tô
13	Trang trại nấm Yên Anh Sài Gòn và Trang trại nấm Hướng Dương Kon Đào	2,07	Xã Kon Đào

b/ Kế hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 5.329,40 ha.

- Kế hoạch năm 2022 diện tích đất phi nông nghiệp là 5.542,67 ha, chiếm 10,90% diện tích tự nhiên, tăng 213,27 ha so với hiện trạng năm 2021. Bao gồm:

b.1/ Đất quốc phòng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 903,34 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 951,34 ha, chiếm 17,14% đất phi nông nghiệp, tăng 48,00 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 903,34 ha.

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 48,00 ha do lấy từ đất trồng lúa 2,00 ha; đất trồng cây hàng năm khác 40,10 ha; đất trồng cây lâu năm 3,00 ha; đất phát triển hạ tầng 0,50 ha (*đất giao thông*); đất ở tại nông thôn 0,40 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,00 ha.

Diện tích tăng thêm nhằm xây dựng trường bán, thao trường huấn luyện thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum tại xã Đăk Rơ Nga.

b.2/ Đất an ninh

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 1,54 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 2,34 ha, chiếm 0,04% đất phi nông nghiệp, tăng 0,80 ha so với năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 1,54 ha.

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 0,80 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,10 ha; đất trồng cây lâu năm 0,10 ha; đất phát triển hạ tầng 0,20 ha (*đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo 0,10 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao 0,10 ha*); đất ở tại nông thôn 0,20 ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20 ha. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 8: Danh mục công trình đất an ninh

Stt	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Trụ sở Công an thị trấn Đắk Tô	0,10	Thị trấn Đắk Tô
2	Trụ sở Công an xã Diên Bình	0,10	Xã Diên Bình
3	Trụ sở Công an xã Tân Cảnh	0,10	Xã Tân Cảnh
4	Trụ sở Công an xã Đắk Rơ Nga	0,10	Xã Đắk Rơ Nga
5	Trụ sở Công an xã Kon Đào	0,10	Xã Kon Đào
6	Trụ sở Công an xã Văn Lem	0,10	Xã Văn Lem
7	Trụ sở Công an xã Pô Kô	0,10	Xã Pô Kô
8	Trụ sở Công an xã Đắk Trăm	0,10	Xã Đắk Trăm

b.3/ Đất khu công nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 150,00 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 150,00 ha, chiếm 2,70% đất phi nông nghiệp, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2021. Kế hoạch đến năm 2022 thực hiện công trình: Khu Công nghiệp Đắk Tô (Trong đó có 100 ha thu hồi từ Dự án nhà máy bột giấy và giấy Tân Mai - Kon Tum theo thông báo số 382/TB-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Kon Tum) tại thị trấn Đắk Tô.

b.4/ Đất cụm công nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 16,98 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 33,52 ha, chiếm 0,60% đất phi nông nghiệp, tăng 16,54 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 16,98 ha.

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 16,54 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 2,29 ha; đất trồng cây lâu năm 13,76 ha; đất phát triển hạ tầng 0,49 ha (*đất giao thông*). Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 9: Danh mục công trình đất cụm công nghiệp

Stt	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía tây thị trấn Đắk Tô (Phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thu hút đầu tư thực hiện dự án trong cụm công nghiệp)	16,54	Thị trấn Đắk Tô và xã Tân Cảnh
2	Cụm công nghiệp 24/4 (Phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thu hút đầu tư thực hiện dự án trong cụm công nghiệp)	4,00	Thị trấn Đắk Tô
3	Nhà máy chế biến Mắc Ca tại Cụm CN 24/4 (Công ty cổ phần Dương Gia Kon Tum)	1,15	Thị trấn Đắk Tô

b.5/ Đất thương mại, dịch vụ

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 7,46 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 12,93 ha; chiếm 0,23% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 5,47 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 7,46 ha.

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 5,47 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 1,40 ha; đất trồng cây lâu năm 4,07 ha. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 10: Danh mục công trình đất thương mại, dịch vụ

Stt	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Cửa hàng xăng dầu Tạo Thành.	0,20	Xã Ngọc Tụ
2	Trung tâm đào tạo sát hạch lái xe cơ giới loại 1 và trung tâm đăng kiểm xe cơ giới huyện Đắk Tô	5,17	Xã Tân Cảnh
3	Chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ (Thôn Kon Tu Peng)	0,10	Xã Pô Kô

b.6/ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 69,33 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 73,55 ha; chiếm 1,33% diện tích đất phi nông nghiệp; tăng 4,22 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 69,33 ha.

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 4,42 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,21 ha; đất trồng cây lâu năm 4,21 ha. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 11: Danh mục công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Stt	Danh mục công trình	Diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Nhà máy chế biến dược liệu - Kotinochi	0,20	Xã Văn Lem
2	Chuyển đổi mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Thôn 3)	1,11	Xã Kon Đào
3	Chuyển đổi mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	3,11	Xã Tân Cảnh

b.7/ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 11,93 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 58,03 ha, chiếm 1,05% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 46,10 ha so với năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 11,93 ha.

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 46,10 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 10,25 ha; đất rừng sản xuất 35,85 ha. Diện tích tăng nhằm thực hiện công trình Dự án Khai thác đá thạch anh công ty Lộc Thiên Phú tại xã Pô Kô.

b.8/ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 23,11 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 30,72 ha, chiếm 0,55% diện tích đất phi nông nghiệp, tăng 7,61 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 23,11 ha.

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 7,61 ha do lấy từ đất trồng lúa 0,04 ha; đất trồng cây hàng năm khác 2,55 ha; trồng cây lâu năm 4,79 ha; đất rừng sản xuất 0,05 ha; đất phát triển hạ tầng 0,11 ha (*đất giao thông 0,06 ha; đất thủy lợi 0,05 ha*); đất chưa sử dụng 0,07 ha. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 12: Danh mục công trình đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Bãi tập kết cát xây dựng khối 1	0,10	TT Đắk Tô
2	Khu khai thác cát xây dựng khối 1	0,55	TT Đắk Tô
3	bãi tập kết cát xây dựng xã Tân Cảnh (Thôn 5)	0,10	Xã Tân Cảnh
4	Khu khai thác cát xây dựng xã Tân Cảnh	1,00	Xã Tân Cảnh

STT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
5	Mặt bằng sân công nghiệp để khai thác cát làm VLXD thông thường xã Diên Bình (Thôn 1)	0,44	Xã Diên Bình
6	Mặt bằng sân công nghiệp để khai thác cát làm VLXD thông thường (Thôn Đăk Tông)	0,32	Xã Ngọc Tụ
7	Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (Thôn Đăk Tông)	0,62	Xã Ngọc Tụ
8	khu khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường (Thôn Đăk Kon)	9,34	Xã Đăk Rơ Nga
9	Khu mỏ khai thác: tại khu vực giáp ranh giữa thôn 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi và thôn Đăk Kon, xã Đăk Rơ Nga, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Công ty TNHH xây dựng Đức Tiến Đăk Glei)	0,60	Xã Đăk Rơ Nga
10	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	Xã Kon Đào
11	Bến bãi tập kết cát, sỏi thôn Đăk Rô Gia	0,25	Xã Đăk Trăm

b.9/ Đất phát triển hạ tầng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 2.737,68 ha;
- Kế hoạch năm 2022 là 2.822,61 ha, chiếm 50,93% đất phi nông nghiệp, tăng 84,93 ha so với hiện trạng năm 2021.

Được bố trí cho các loại đất sau:

*** Đất giao thông:**

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 870,92 ha;
- Kế hoạch năm 2022 là 879,36 ha, tăng 8,44 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 867,57 ha, giảm 3,35 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,54 ha; đất quốc phòng 0,50 ha; đất cụm công nghiệp 0,49 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,06 ha; đất thủy lợi 1,64 ha; đất năng lượng 0,07 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,05 ha. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 13: Danh mục công trình sử dụng đất giao thông

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất nông nghiệp khác		
1	Dự án trang trại chăn nuôi công nghệ cao Đăk Rơ Nga	17,15	Xã Đăk Rơ Nga
	Đất quốc phòng		

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
2	Xây dựng trường bán, thao trường huấn luyện thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	83,23	Xã Đắk Rơ Nga
	Đất cụm công nghiệp		
3	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phía tây thị trấn Đắk Tô (Phục vụ công tác thu hồi đất, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thu hút đầu tư thực hiện dự án trong cụm công nghiệp)	16,54	Thị trấn Đắk Tô và Xã Tân Cảnh
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
4	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	Xã Kon Đào
	Đất thủy lợi		
5	Kè chống sạt lở bờ hai bên đầu Cầu 42 và bên phía bờ đông sông Đắk Tô Kan (Đoạn từ Cầu 42 đến suối Hồ Sen)	1,53	TT Đắk Tô
6	Hiện đại hóa Thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô - Ngọc Hồi thuộc Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" (ADB9)	11,70	Xã Diên Bình
	Đất công trình năng lượng		
7	Trạm biến áp 110kV Bờ Y và đầu nối	0,48	TT Đắk Tô
8	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 13MW	25,40	Xã Tân Cảnh
	Đất cơ sở tôn giáo		
9	Giao đất cho Tòa Giám mục Kon Tum để xây dựng cơ sở thờ tự phục vụ sinh hoạt Tôn giáo	1,98	Thị trấn Đắk Tô

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 11,79 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 1,92 ha; đất trồng cây lâu năm 3,57 ha; đất công trình năng lượng 5,86 ha; đất ở tại nông thôn 0,02 ha; đất ở tại đô thị 0,42 ha. Diện tích tăng nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 14: Danh mục công trình đất giao thông

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đoạn từ Hùng Vương đến Phạm Văn Đồng)	0,50	TT Đắk Tô
2	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Võ Thị Sáu)	0,41	TT Đắk Tô
3	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	0,75	TT Đắk Tô
4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	0,61	TT Đắk Tô

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
5	Đường và hệ thống điện vào Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô (Giai đoạn 1)	1,60	TT Đắk Tô
6	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Âu Cơ), thị trấn Đắk Tô	0,31	TT Đắk Tô
7	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	0,53	TT Đắk Tô
8	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng)	0,21	TT Đắk Tô
9	Đường Phạm Hồng Thái (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến nhà bà Y Phú)	1,00	TT Đắk Tô
10	Đường Âu Cơ (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	0,50	TT Đắk Tô
11	Đường đi khu sản xuất thôn Đắk Manh 2 (Đoạn bắt đầu từ nhà Rông thôn Đắk Manh 2)	2,50	xã Đắk Rơ Nga
12	Hồ Kon Tu Zốp thuộc Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) tỉnh Kon Tum. Hạng mục "Đường thi công vận hành"	1,57	xã Pô Kô
13	Dự án nâng cao độ và mở rộng tuyến tránh Plei Krông trên tuyến Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum	6,11	xã Diên Bình

* Đất thủy lợi:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 324,07 ha;
 - Kế hoạch năm 2022 là 371,05 ha, tăng 46,98 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 324,02 ha, giảm 0,05 ha do chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 15: Danh mục công trình sử dụng đất thủy lợi

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm		
1	Mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường	6,40	xã Kon Đào

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 47,03 ha do lấy từ đất trồng lúa 2,55 ha; đất trồng cây hàng năm khác 19,22 ha; đất trồng cây lâu năm 15,57 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,20 ha; đất giao thông 1,64 ha; đất cơ sở thể dục - thể thao 0,10 ha; đất ở tại nông thôn 0,04 ha; đất ở tại đô thị 0,10 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 7,19 ha; đất chưa sử dụng 0,42 ha. Diện tích tăng nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 16: Danh mục công trình đất thủy lợi

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Kè chống sạt lở bờ hai bên đầu Cầu 42 và bên phía bờ đông sông Đắk Tô Kan (Đoạn từ Cầu 42 đến suối Hồ Sen)	1,53	TT Đắk Tô
2	Kè chống sạt lở sông Đắk Tô Kan – Đắk Tô (đoạn cầu 42) huyện Đắk Tô	30,00	TT Đắk Tô
3	Cấp nước sinh hoạt xã Diên Bình	0,09	Xã Diên Bình
4	Cấp nước sinh hoạt xã Tân Cảnh	0,56	Xã Tân Cảnh
5	Cấp nước sinh hoạt xã Đắk Trăm	0,37	Xã Đắk Trăm
6	Cấp nước sinh hoạt thôn Đắk Chờ, thôn Đắk Nu, thôn Đắk No và thôn Đắk Tăng	0,05	Xã Ngọc Tú
7	Thủy lợi A Dem	0,20	Xã Kon Đào
8	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Pung	0,50	Xã Đắk Rơ Nga
9	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Măng Rương	0,50	Xã Văn Lem
10	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn Đắk Mơ Ham	0,50	Xã Pô Kô
11	Dự án Cụm hồ Đắk Rô Gia - Ia Tun.	38,39	Xã Đắk Trăm
12	Hiện đại hóa Thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô - Ngọc Hồi thuộc Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" (ADB9)	11,70	Xã Diên Bình
13	Xây dựng đài cấp nước sạch	0,06	Xã Pô Kô
14	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Đắk Tô (Cụm đầu mối) và khu xử lý nước	0,40	Xã Kon Đào, TT Đắk Tô

* Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 4,39 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 4,39 ha, giữ nguyên diện tích so với năm 2021. Đến năm 2022 thực hiện các công trình sau:

Bảng 17: Danh mục công trình đất cơ sở văn hóa

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Nhà văn hóa đa năng xã Pô Kô	0,09	xã Pô Kô
2	Dự án: Hạ tầng khu quy hoạch xây dựng Nhà Văn hóa trung tâm và sửa chữa quảng trường huyện	2,00	TT Đắk Tô

* Đất xây dựng cơ sở y tế:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 4,13 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 4,13 ha, giữ nguyên diện tích so với năm 2021.

* Đất cơ sở giáo dục - đào tạo:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 64,14 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 60,79 ha, giảm 3,35 ha so với hiện trạng năm 2021

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 60,74 ha, giảm 3,40 ha do chuyển sang đất an ninh 0,10 ha; đất ở tại đô thị 3,30 ha. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 18: Danh mục công trình sử dụng đất cơ sở giáo dục - đào tạo

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất an ninh		
1	Trụ sở Công an xã Đắk Rơ Nga	0,10	Xã Đắk Rơ Nga
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	0,44	
2	Xây dựng trường Tiểu học Pô Kô (Điểm trường thôn Kon Tu Dốp 1)	0,09	Xã Pô Kô
3	Xây dựng trường Mầm non Văn Lem (Điểm trường thôn Tê Rông)	0,18	Xã Văn Lem
4	Xây dựng trường Tiểu học Đắk Rơ Nga (Điểm trường thôn Đắk Kon)	0,07	Xã Đắk Rơ Nga
5	Xây dựng trường Mầm non Pô Kô (Điểm trường thôn Đắk Mơ Ham)	0,05	Xã Pô Kô
	Đất ở tại đô thị	9,51	
6	QH Khu dân cư khối 9 (Khu vực trung tâm GDTX cũ)	3,30	TT Đắk Tô

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 0,05 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 19: Danh mục công trình đất cơ sở giáo dục đào tạo

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Xây dựng trường Tiểu học Pô Kô (Điểm trường thôn Kon Tu Dốp 1)	0,09	xã Pô Kô
2	Xây dựng trường Mầm non Văn Lem (Điểm trường thôn Tê Rông)	0,18	Xã Văn Lem
3	Trường mầm non Pô Kô, điểm trường trung tâm thôn Kon Tu Peng, xã Pô Kô. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà để xe và các hạng mục phụ trợ	0,05	xã Pô Kô
4	Xây dựng trường Tiểu học Đắk Rơ Nga (Điểm trường thôn Đắk Kon)	0,07	xã Đắk Rơ Nga
5	Xây dựng trường Mầm non Pô Kô (Điểm trường thôn Đắk Mơ Ham)	0,05	xã Pô Kô

* Đất cơ sở thể dục - thể thao:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 17,16 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 16,96 ha, giảm 0,20 ha so với hiện trạng năm 2021
Trong đó:

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 16,96 ha, giảm 0,20 ha do chuyển sang đất an ninh 0,10 ha; đất thủy lợi 0,10 ha. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 20: Danh mục công trình sử dụng đất cơ sở thể dục – thể thao

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất an ninh		
1	Trụ sở Công an xã Kon Đào	0,10	xã Kon Đào
	Đất thủy lợi		
2	Hiện đại hóa Thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Tô - Ngọc Hồi thuộc Dự án "Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu" (ADB9)	11,70	Xã Diên Bình

* Đất năng lượng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 1.351,63 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 1.382,71 ha, tăng 31,08 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 1.345,77 ha, giảm 5,86 ha do chuyển sang đất giao thông. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 21: Danh mục công trình sử dụng đất năng lượng

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất giao thông		
1	Dự án nâng cao độ và mở rộng tuyến tránh Plei Krông trên tuyến Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum	6,11	xã Diên Bình
	Đất công trình năng lượng		
2	Xây dựng thủy điện Đăk Psi 6 công suất 9,5MW	9,73	Xã Diên Bình

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 36,94 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,72 ha; đất trồng cây lâu năm 10,49 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,09 ha; đất giao thông 0,07 ha; đất ở tại đô thị 0,01 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 21,75 ha; đất chưa sử dụng 3,81 ha. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 22: Danh mục công trình đất năng lượng

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Nâng cao khoảng cách pha - đất khoảng cột 2144-2145 đường dây 500kV Thạnh Mỹ - 583 Pleiku 2	0,02	Xã Tân Cảnh
2	Đường dây trung thế 22kV, trạm biến áp và đường dây hạ thế 0,4kV	0,20	Xã Tân Cảnh
3	Trạm Biến áp 110kV Đắk Tô	0,78	Thị trấn Đắk Tô
4	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	0,20	TT Đắk Tô, xã Diên Bình
5	Trạm biến áp 110kV Bờ Y và đấu nối	0,48	TT Đắk Tô
6	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Kon Tum	0,03	Huyện Đắk Tô
7	Thủy điện Plei Kần hạ công suất 13MW	34,72	Xã Tân Cảnh, xã Ngọc Tụ; xã Đắk Rơ Nga
8	Xây dựng thủy điện Đắk Psi 6 công suất 9,5MW	9,73	Xã Diên Bình

* Đất bưu chính viễn thông:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 1,24 ha;
- Kế hoạch năm 2022 là 1,24 ha, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2021.

* Đất di tích lịch sử - văn hoá:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 26,51 ha;
- Kế hoạch năm 2022 là 26,51 ha, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2021. Đến năm 2022 thực hiện công trình Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử Chiến thắng Đắk Tô-Tân Cảnh.

* Đất bãi thải, xử lý chất thải:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 4,65 ha;
- Kế hoạch năm 2022 là 4,65 ha, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2021.

* Đất cơ sở tôn giáo

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 7,20 ha;
- Kế hoạch năm 2022 là 9,18 ha, tăng 1,98 ha so với hiện trạng năm 2021.
- + Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 7,20 ha.
- + Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 1,98 ha do lấy từ đất trồng cây lâu năm 1,22 ha; đất giao thông 0,05 ha; đất ở tại đô thị 0,71 ha. Diện

tích tăng thêm nhằm thực hiện công trình Giao đất cho Tòa Giám mục Kon Tum để xây dựng cơ sở thờ tự phục vụ sinh hoạt Tôn giáo tại thị trấn Đắk Tô.

* Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hoá táng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 60,59 ha;

- Kế hoạch năm 2022 là 60,59 ha, giữ nguyên diện tích so với năm 2021.

* Đất chợ:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 1,05 ha;

- Kế hoạch năm 2022 là 1,05 ha, giữ nguyên diện tích so với năm 2021.

b.10/ Đất sinh hoạt cộng đồng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 11,07 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 11,07 ha, chiếm 0,20% đất phi nông nghiệp, giữ nguyên diện tích so với năm 2021.

b.11/ Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 2,18 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 2,18 ha, chiếm 0,04% đất phi nông nghiệp, giữ nguyên diện tích so với năm 2021.

b.12/ Đất ở tại nông thôn

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 432,95 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 456,03 ha, chiếm 8,23% đất phi nông nghiệp, tăng 23,08 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 432,29 ha, giảm 0,66 ha do chuyển sang đất quốc phòng 0,40 ha; đất an ninh 0,20 ha; đất phát triển hạ tầng 0,06 ha (đất giao thông 0,02 ha; đất thủy lợi 0,04 ha). Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 23: Danh mục công trình sử dụng đất ở tại nông thôn

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất quốc phòng		
1	Xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kon Tum	83,23	xã Đắk Rơ Nga
	Đất an ninh		
2	Trụ sở Công an xã Tân Cảnh	0,10	xã Tân Cảnh
3	Trụ sở Công an xã Đắk Trăm	0,10	xã Đắk Trăm
	Đất giao thông		

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
4	Dự án nâng cao độ và mở rộng tuyến tránh Plei Krông trên tuyến Hồ Chí Minh đoạn Tân Cảnh - Kon Tum	6,11	xã Diên Bình
	Đất thủy lợi		
5	Xây dựng đài cấp nước sạch	0,06	xã Pô Kô
	Đất ở tại nông thôn		
6	Đấu giá đất thôn 2 xã Tân Cảnh	0,85	xã Tân Cảnh
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng, sắp xếp dân cư bố trí đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên diện tích 6.3 ha của công ty TNHH MTV Cao Su Kon Tum tại thôn Đắk Ri Peng 2	6,30	xã Tân Cảnh
8	Đấu giá đất thôn 4 xã Diên Bình	0,36	xã Diên Bình
9	Đấu giá đất thôn 8 xã Diên Bình	0,12	xã Diên Bình

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang là 23,74 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 10,74 ha; đất trồng cây lâu năm 13,00 ha. Diện tích tăng thêm nhằm thực hiện các công trình sau:

Bảng 24: Danh mục công trình đất ở tại nông thôn

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Đấu giá đất thôn 2 xã Tân Cảnh	0,85	xã Tân Cảnh
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng, sắp xếp dân cư bố trí đất ở cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên diện tích 6.3 ha của công ty TNHH MTV Cao Su Kon Tum tại thôn Đắk Ri Peng 2	6,30	xã Tân Cảnh
3	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Diên Bình	3,00	Xã Diên Bình
4	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Đắk Rơ Nga	2,00	Xã Đắk Rơ Nga
5	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Đắk Trăm	2,00	Xã Đắk Trăm
6	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Kon Đào	4,00	Xã Kon Đào
7	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Ngọc Tụ	3,00	Xã Ngọc Tụ
8	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Pô Kô	2,50	Xã Pô Kô
9	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Tân Cảnh	3,50	Xã Tân Cảnh
10	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân xã Văn Lem	3,00	Xã Văn Lem
11	Đấu giá đất thôn 6 xã Kon Đào	0,23	Xã Kon Đào

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
12	Đấu giá đất thôn 4 xã Diên Bình	0,36	xã Diên Bình
13	Đấu giá đất thôn 8 xã Diên Bình	0,12	xã Diên Bình

b.13/ Đất ở tại đô thị

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 132,55 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 140,01 ha; chiếm 2,52% đất phi nông nghiệp, tăng 7,46 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 131,31 ha, giảm 1,24 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng (đất giao thông 0,42 ha; đất thủy lợi 0,10 ha; đất năng lượng 0,01 ha; đất cơ sở tôn giáo 0,71 ha). Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 25: Danh mục công trình sử dụng đất ở tại đô thị

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất giao thông		
1	Đường Phạm Ngọc Thạch (Đoạn từ Hùng Vương đến Phạm Văn Đồng)	0,50	TT Đắk Tô
2	Đường Lê Hữu Trác (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Võ Thị Sáu)	0,41	TT Đắk Tô
3	Đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Hồ Xuân Hương)	0,75	TT Đắk Tô
4	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng) giai đoạn 1	0,61	TT Đắk Tô
5	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Âu Cơ), thị trấn Đắk Tô	0,31	TT Đắk Tô
6	Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng)	0,53	TT Đắk Tô
7	Đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến đường Huỳnh Thúc Kháng)	0,21	TT Đắk Tô
8	Đường Phạm Hồng Thái (đoạn từ Nguyễn Văn Cừ đến nhà bà Y Phú)	1,00	TT Đắk Tô
9	Đường Âu Cơ (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	0,50	TT Đắk Tô
	Đất thủy lợi	84,85	47,03
10	Kè chống sạt lở bờ hai bên đầu Cầu 42 và bên phía bờ đông sông Đắk Tô - Kan (Đoạn từ Cầu 42 đến suối Hồ Sen)	1,53	TT Đắk Tô
11	Đất công trình năng lượng	46,16	36,94
12	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110kV Đắk Hà - Đắk Tô	0,10	TT Đắk Tô
	Đất cơ sở tôn giáo	1,98	

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
13	Giao đất cho Tòa Giám mục Kon Tum để xây dựng cơ sở thờ tự phục vụ sinh hoạt Tôn giáo	1,98	Thị trấn Đắk Tô
	Đất ở tại đô thị	9,51	
14	Quỹ đất đấu giá đường Âu Cơ - Nguyễn Văn Trỗi - Phạm Văn Đồng	0,50	TT Đắk Tô
15	Quỹ đất đấu giá đường Phạm Hồng Thái (Khối 5)	0,06	TT Đắk Tô
16	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Hoàng Thị Loan (Khối 8)	0,03	TT Đắk Tô
17	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Ngô Tiến Dũng (Khối 5)	0,03	TT Đắk Tô
18	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Đinh Công Tráng (Khối 4)	0,03	TT Đắk Tô
19	Phương án sắp xếp, bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư: Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Vị trí tại đường Hùng Vương, khối 9, thị trấn Đắk Tô)	0,05	TT Đắk Tô
20	Phương án sắp xếp, bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư: Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Vị trí tại đường Âu Cơ và đường Phạm Văn Đồng, khối 9, thị trấn Đắk Tô)	0,11	TT Đắk Tô

+ Diện tích đất từ các mục đích khác chuyển sang 8,70 ha do lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 0,3 ha; đất trồng cây lâu năm 4,70 ha; đất rừng sản xuất 0,40 ha; đất phát triển hạ tầng 3,30 ha (đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo).

Bảng 26: Danh mục công trình đất ở tại đô thị

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
1	Quỹ đất đấu giá đường Âu Cơ - Nguyễn Văn Trỗi - Phạm Văn Đồng	0,50	TT Đắk Tô
2	Quỹ đất đấu giá đường Ngô Tiến Dũng	0,40	TT Đắk Tô
3	Quỹ đất đấu giá đường Phạm Hồng Thái (Khối 5)	0,06	TT Đắk Tô
4	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Hoàng Thị Loan (Khối 8)	0,03	TT Đắk Tô
5	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Ngô Tiến Dũng (Khối 5)	0,03	TT Đắk Tô

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
6	Đấu giá thửa đất riêng lẻ đường Đinh Công Tráng (Khối 4)	0,03	TT Đắk Tô
7	Khu dân cư khối 9 (Khu vực trung tâm GDTX cũ)	3,30	TT Đắk Tô
8	Phương án sắp xếp, bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư: Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Vị trí tại đường Hùng Vương, khối 9, thị trấn Đắk Tô)	0,05	TT Đắk Tô
9	Phương án sắp xếp, bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất ở và giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư: Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phạm Văn Đồng), thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum (Vị trí tại đường Âu Cơ và đường Phạm Văn Đồng, khối 9, thị trấn Đắk Tô)	0,11	TT Đắk Tô
10	Chuyển mục đích sang đất ở hộ gia đình, cá nhân Thị trấn Đắk Tô	5,00	TT Đắk Tô

b.14/ Đất xây dựng trụ sở cơ quan

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 12,64 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 12,44 ha; chiếm 0,22% đất phi nông nghiệp, giảm 0,20 ha so với năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 12,44 ha, giảm 0,20 ha do chuyển sang đất an ninh. Diện tích giảm do thực hiện các công trình sau:

Bảng 27: Danh mục công trình sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan

TT	Danh mục công trình	Tổng diện tích (ha)	Địa Điểm
	Đất an ninh		
1	Trụ sở Công an xã Diên Bình	0,10	xã Diên Bình
2	Trụ sở Công an xã Văn Lem	0,10	xã Văn Lem
	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
3	Trụ sở Huyện ủy	0,90	TT Đắk Tô

Đến năm 2022 thực hiện công trình Trụ sở Huyện ủy tại thị trấn Đắk Tô.

b.15/ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 4,88 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 4,88 ha; chiếm 0,09% đất phi nông nghiệp, giữ nguyên diện tích so với năm 2021.

Đến năm 2022 thực hiện các công trình Trụ sở phân trường Đắk Rơ Nga, Pô Kô (*Thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô*) và Thu hồi trụ sở lâm trường Quang Trung để đấu giá đất khai thác quỹ đất tại xã Tân Cảnh.

b.16/ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 809,65 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 778,71 ha, chiếm 14,03% đất phi nông nghiệp, giảm 30,94 ha so với hiện trạng năm 2021.

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng đất so với hiện trạng là 778,71 ha, giảm 30,94 ha do chuyển sang đất quốc phòng 2,00 ha; đất phát triển hạ tầng 28,94 ha (*đất thủy lợi 7,19 ha; đất năng lượng 21,75 ha*).

b.17/ Đất có mặt nước chuyên dùng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 0,81 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 0,81 ha, chiếm 0,01% đất phi nông nghiệp, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2021.

b.18/ Đất phi nông nghiệp khác:

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 1,30 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 1,30 ha, chiếm 0,02% đất phi nông nghiệp, giữ nguyên diện tích so với hiện trạng năm 2021.

c/ Đất chưa sử dụng

- Diện tích hiện trạng năm 2021 là 510,78 ha.

- Kế hoạch năm 2022 là 504,37 ha, chiếm 0,99% diện tích tự nhiên, giảm 6,41 ha so với hiện trạng năm 2021.

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 504,37 ha, giảm 6,41 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 2,11 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,07 ha; đất phát triển hạ tầng 4,23 ha (*đất thủy lợi 0,42 ha; đất năng lượng 3,81 ha*).

3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất giữa các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch 2022 của huyện Đắk Tô và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện đến năm 2022 là 50.870,31 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp 44.823,27 ha, chiếm 88,11%.
- Đất phi nông nghiệp 5.542,67 ha, chiếm 10,90%.
- Đất chưa sử dụng 504,37 ha, chiếm 0,99%.

Bảng 28: Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Đắk Tô	Xã Diên Bình	Xã Đắk Rơ Nga	Xã Đắk Trăm	Xã Kon Đào	Xã Ngok Tụ	Xã Pô Kô	Xã Tân Cảnh	Xã Văn Lem
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (..)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
I	Loại đất											
1	Đất nông nghiệp	NNP	44.823,27	3.162,56	3.711,86	10.429,92	4.584,49	2.701,78	4.810,34	7.292,09	3.892,28	4.237,95
	<i>Trong đó:</i>											
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.272,85	128,95	117,16	140,47	228,97	153,63	154,63	85,40	87,43	176,21
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.079,20</i>	<i>81,61</i>	<i>114,86</i>	<i>138,60</i>	<i>226,07</i>	<i>107,42</i>	<i>121,13</i>	<i>41,95</i>	<i>73,93</i>	<i>173,63</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	11.128,63	563,77	480,07	2.457,48	1.368,64	807,96	1.327,66	1.907,09	890,96	1.325,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	15.878,04	1.846,47	2.858,46	1.297,33	859,71	1.261,79	1.566,55	3.501,97	2.423,19	262,57
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.450,30			900,44	534,42		322,89		2,99	689,56
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	13.870,72	599,64	222,67	5.573,45	1.589,87	448,79	1.428,90	1.785,74	439,61	1.782,05
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>10.162,69</i>	<i>100,97</i>	<i>222,67</i>	<i>5.374,04</i>	<i>1.399,67</i>	<i>186,15</i>	<i>1.157,58</i>	<i>779,33</i>	<i>247,94</i>	<i>694,34</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	121,80	13,90	30,86	16,27	2,88	11,73	9,71	11,89	22,00	2,56
1.8	Đất làm muối	LMU										
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	100,93	9,83	2,64	44,48		17,88			26,10	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.542,67	771,45	891,93	344,36	364,69	613,38	422,22	781,66	1.189,40	163,58
	<i>Trong đó:</i>											
2.1	Đất quốc phòng	CQP	951,34	15,67		83,23		356,58			495,86	
2.2	Đất an ninh	CAN	2,34	1,64	0,10	0,10	0,10	0,10		0,10	0,10	0,10

Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Tô

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Đắk Tô	Xã Diên Bình	Xã Đắk Rơ Nga	Xã Đắk Trăm	Xã Kon Đào	Xã Ngọc Tú	Xã Pô Kô	Xã Tân Cảnh	Xã Văn Lem
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (..)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	150,00	150,00								
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	33,52	33,52								
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,93	0,95	0,44		0,10	4,70	0,28	0,18	6,28	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	73,75	8,58	4,99	0,16	0,95	4,17	0,32		54,38	0,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	58,03			1,06				46,10	10,87	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	30,72	4,65	8,40	1,35	0,25	7,71	6,94		1,42	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.822,61	335,46	728,58	88,47	238,23	112,26	253,72	562,13	395,62	108,14
	<i>Trong đó:</i>											
-	Đất giao thông	DGT	879,36	156,22	114,51	66,43	49,28	47,92	81,79	141,56	124,64	97,01
-	Đất thủy lợi	DTL	371,05	19,49	53,35	9,36	62,49	27,72	84,79	19,88	87,25	6,72
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	4,39	3,42	0,81						0,16	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,13	2,33	0,20	0,22	0,27	0,20	0,19	0,20	0,39	0,13
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	60,79	22,74	6,32	3,41	3,88	8,56	3,88	2,20	7,43	2,37
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	16,96	6,09	3,43	0,50	1,20	2,50	0,94	0,84	1,14	0,32
-	Đất công trình năng lượng	DNL	1.382,71	92,29	531,82	3,23	116,83	17,54	77,10	389,21	154,15	0,54
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	1,24	0,73	0,03	0,03	0,10	0,03		0,19	0,13	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG										
-	Đất di tích lịch sử - văn hoá	DDT	26,51	24,83	0,16					1,52		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,65								4,65	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,18	3,46	1,34	1,20	0,44	0,29	2,02		0,43	

Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Tô

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				Thị trấn Đắk Tô	Xã Diên Bình	Xã Đắk Rơ Nga	Xã Đắk Trăm	Xã Kon Đào	Xã Ngọc Tú	Xã Pô Kô	Xã Tân Cảnh	Xã Văn Lem
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ (..)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	60,59	2,96	16,61	4,09	3,59	7,50	3,01	6,53	15,25	1,05
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH										
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH										
-	Đất chợ	DCH	1,05	0,90			0,15					
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL										
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,07	2,26	1,70	0,80	0,93	1,48	2,12	0,57	0,95	0,26
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV	2,18	2,18								
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	456,03		93,47	24,11	41,00	69,02	38,67	55,90	113,86	20,00
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	140,01	140,01								
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,44	6,37	1,19	0,70	1,00	1,30	0,36	0,24	0,95	0,33
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,88	2,67	0,19	0,18	0,97		0,14	0,07	0,66	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG										
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN										
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	778,71	67,42	52,87	144,20	81,15	55,50	119,52	116,37	107,23	34,45
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,81					0,56	0,15			0,10
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,30	0,07			0,01				1,22	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	504,37	19,04	21,68	33,79	58,14	45,85	56,50	102,25	2,60	164,52

3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Bảng 29: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	209,51
	Trong đó:		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	4,59
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>4,59</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	89,85
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	78,48
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	36,30
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,29
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
	Trong đó:		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RPH/NKR ^(a)	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR ^(a)	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR ^(a)	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR^(a)</i>	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	3,30

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp là 209,51 ha. Trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyên sang đất phi nông nghiệp 4,59 ha (*đất chuyên trồng đất lúa nước 4,59 ha*). Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 0,35 ha; xã Diên Bình 0,20 ha; xã Đắk Rơ Nga 2,00 ha; xã Đắk Trăm 2,00 ha; xã Kon Đào 0,04 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp là 89,85 ha. Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 5,51 ha; xã Diên Bình 1,14 ha; xã Đắk Rơ Nga 41,60 ha; xã Đắk Trăm 18,55 ha; xã Kon Đào 4,14 ha; xã Ngọc Tụ 1,57 ha; xã Pô Kô 11,30 ha; xã Tân Cảnh 3,54 ha; xã Văn Lem 2,50 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp 78,48 ha. Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 23,51 ha; xã Diên Bình 11,63 ha; xã Đắk Rơ Nga 4,57 ha; xã Đắk Trăm 7,00 ha; xã Kon Đào 7,70 ha; xã Ngọc Tụ 2,10 ha; xã Pô Kô 2,22 ha; xã Tân Cảnh 18,55 ha; xã Văn Lem 1,20 ha.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp 36,30 ha. Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 0,40 ha; xã Kon Đào 0,05 ha; xã Pô Kô 35,85 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,29 ha. Trong đó: Xã Diên Bình 0,20 ha; xã Tân Cảnh 0,09 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở 3,30 ha (*thị trấn Đắk Tô*).

3.4. Diện tích đất cần thu hồi

Bảng 30: Diện tích các loại đất cần thu hồi

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	214,71
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4,59
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4,59</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	78,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	93,73
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	35,90
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,79
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	45,90
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	12,86
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	3,35
-	Đất thủy lợi	DTL	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	3,40
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,20
-	Đất công trình năng lượng	DNL	5,86
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
-	Đất di tích lịch sử - văn hoá	DDT	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	
-	Đất chợ	DCH	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,66
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	1,24
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,20
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	30,94
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

- Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi là 214,71 ha. Bao gồm:

+ Đất trồng lúa cần thu hồi là 4,59 ha (*đất chuyên trồng đất lúa nước 4,59 ha*). Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 0,35 ha; xã Diên Bình 0,20 ha; xã Đắk Rơ Nga 2,00 ha; xã Đắk Trăm 2,00 ha; xã Kon Đào 0,04 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác cần thu hồi là 78,70 ha. Trong đó: Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 5,21 ha; xã Diên Bình 0,70 ha; xã Đắk Rơ Nga 41,84 ha; xã Đắk Trăm 16,37 ha; xã Kon Đào 1,91 ha; xã Ngọc Tụ 0,05 ha; xã Pô Kô 10,80 ha; xã Tân Cảnh 1,32 ha; xã Văn Lem 0,50 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm cần thu hồi là 93,73 ha. Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 18,71 ha; xã Diên Bình 8,63 ha; xã Đắk Rơ Nga 41,03 ha; xã Đắk Trăm 7,00 ha; xã Kon Đào 4,59 ha; xã Ngọc Tụ 0,10 ha; xã Pô Kô 0,12 ha; xã Tân Cảnh 13,55 ha.

+ Đất rừng sản xuất cần thu hồi là 35,90 ha. Trong đó: Xã Kon Đào 0,05 ha; xã Pô Kô 35,85 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản cần thu hồi là 1,79 ha. Trong đó: Xã Diên Bình 0,20 ha; xã Đắk Rơ Nga 1,50 ha; xã Tân Cảnh 0,09 ha.

- Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 45,90 ha. Bao gồm:

+ Đất phát triển hạ tầng cần thu hồi là 12,86 ha. Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 3,89 ha; xã Diên Bình 7,56 ha; xã Đắk Rơ Nga 1,14 ha; xã Kon Đào 0,21 ha; xã Tân Cảnh 0,06 ha.

+ Đất ở tại nông thôn cần thu hồi 0,66 ha. Trong đó: Xã Diên Bình 0,02 ha; xã Đắk Rơ Nga 0,40 ha; xã Đắk Trăm 0,10 ha; xã Pô Kô 0,04 ha; xã Tân Cảnh 0,10 ha.

+ Đất ở tại đô thị cần thu hồi 1,24 ha (*thị trấn Đắk Tô*).

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,20 ha. Trong đó: Xã Diên Bình 0,10 ha; xã Văn Lem 0,10 ha.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối cần thu hồi là 30,94 ha. Trong đó: Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 0,60 ha; xã Diên Bình 0,20 ha; xã Đắk Rơ Nga 3,55 ha; xã Đắk Trăm 6,39 ha; xã Ngọc Tụ 7,10 ha; xã Tân Cảnh 13,10 ha.

3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Bảng 31: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	2,11
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,11
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,30
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,07
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4,23
	<i>Trong đó:</i>		
-	Đất giao thông	DGT	
-	Đất thủy lợi	DTL	0,42
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,81
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	
-	Đất di tích lịch sử - văn hoá	DDT	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	
-	Đất chợ	DCH	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

- Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích nông nghiệp 2,11 ha

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất nông nghiệp khác 2,11 ha (*xã Đắk Rơ Nga*).

- Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích phi nông nghiệp 4,30 ha

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 0,07 ha (*xã Đắk Trăm*).

+ Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đất phát triển hạ tầng 4,23 ha. Trong đó: Thị trấn Đắk Tô 0,03 ha; xã Diên Bình 0,40 ha; xã Ngọc Tụ 0,57 ha; xã Tân Cảnh 3,23 ha.

3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

(Có Biểu 10/CH kèm theo)

3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô dựa trên các căn cứ sau:

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 – 2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30-9-2021 của UBND tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum

- Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 Quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 45/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 về việc ban hành đơn giá các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2022;

- Quyết định số 32/2011/QĐ-UBND ngày 24/20/2011 về việc quy định mức hỗ trợ khi thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất ở; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP;

Tổng thu: 165.532,40 (triệu đồng).

Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô

Tổng chi: 148.285,75 (triệu đồng).

Tổng thu - Tổng chi = 17.246,65 (triệu đồng)

STT	Hạng mục	Năm 2022		
		Diện tích (ha)	Đơn giá (triệu đồng/ha)	Thành tiền triệu đồng
A	A. CÁC KHOẢN THU TỪ ĐẤT			165.532,40
I	I. THU TIỀN GIAO ĐẤT	4,44		15.776,80
	Đất ở tại đô thị	3,70	4.012	14.844,40
	Đất ở tại nông thôn	0,74	1.260	932,40
II	THU TIỀN CHO THUÊ ĐẤT	58,95		103.285,60
1	Thu tiền thuê đất các công trình Quy hoạch (Ngành SX vật chất, xây dựng và vận tải)	16,54		53.086,78
	Thu tiền thuê đất các công trình tại đô thị	16,54	3.210	53.086,78
	Thu tiền thuê đất các công trình tại nông thôn		1.008	0,00
2	Thu tiền thuê đất các công trình Quy hoạch (Ngành TM-DV, bưu điện, ngân hàng và các hoạt động dịch vụ khác)	42,41		45.743,46
	Thu tiền thuê đất các công trình tại đô thị	1,36	3.210	4.365,06
	Thu tiền thuê đất các công trình tại nông thôn	41,05	1.008	41.378,40
3	Thu tiền thuê đất các công trình Quy hoạch (Ngành cơ sở sản xuất phi nông nghiệp)			4.455,36
	Thu tiền thuê đất các công trình tại đô thị		3.210	0,00
	Thu tiền thuê đất các công trình tại nông thôn	4,42	1.008	4.455,36
III	THU TIỀN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	28,00		46.470,00
*	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở tại đô thị	5,00		19.560,00
1	Đất trồng lúa			
2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,30	3.912	1.173,60
3	Đất trồng cây lâu năm	4,70	3.912	18.386,40
*	Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	23,00		26.910,00
1	Đất trồng lúa			
2	Đất trồng cây hàng năm khác	10,00	1.170	11.700,00
3	Đất trồng cây lâu năm	13,00	1.170	15.210,00
B	CHI PHÍ ĐỀN BÙ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH			148.285,75
C	CÂN ĐỐI THU - CHI			17.246,65

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Tăng cường các biện pháp bảo vệ đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ; quản lý chặt chẽ, thanh tra, kiểm tra, giám sát thường xuyên việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ sang các loại đất khác, đặc biệt là chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Áp dụng các biện pháp canh tác phù hợp với điều kiện đất, hạn chế sử dụng nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp, nghiêm cấm việc dùng các loại thuốc bảo vệ thực vật đã bị chỉ định không được sử dụng, hạn chế khai thác trắng đồi với rừng sản xuất. Xây dựng hệ thống thoát nước thải trong khu dân cư, khu dịch vụ, hình thành các khu chứa rác thải tập trung để xử lý chôn lấp.

Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, xen canh, ... đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tích cực khai thác đất chưa sử dụng, có kế hoạch khai hoang, phục hóa để tăng quỹ đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và tạo thêm mặt bằng xây dựng hạ tầng.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm mặt nước chuyên dùng, ô nhiễm đất.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khoẻ người lao động;

Có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi cho các ngành của huyện (như tạo điều kiện về cấp đất, nhà ở, tuyển dụng thẳng vào biên chế nhà nước, không qua tập sự. Có chính sách hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, khuyến khích trí thức trẻ về công tác tại huyện cũng như tại các xã);

Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành;

Thực hiện việc luân chuyển và tăng cường cán bộ huyện về cấp xã đảm nhận các cương vị lãnh đạo chủ chốt, thực hiện tốt chế độ trợ cấp ban đầu đối với cán bộ thuộc diện luân chuyển; có chế độ tiền lương và phụ cấp, chính sách bổ nhiệm, bố trí công tác sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo lao động là người địa phương, sử dụng họ vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất.

Sau khi phương án kế hoạch sử dụng đất của huyện được duyệt, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần triển khai các biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

- Huyện tạo mọi điều kiện để thu hút, phát huy năng lực đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và phát huy phương tiện cơ sở vật chất hiện có trên địa bàn.

- Tăng cường thông tin đại chúng, đáp ứng các yêu cầu về thông tin cho nhân dân, đặc biệt các thông tin kinh tế, khoa học kỹ thuật, thương mại.. để nhân dân có điều kiện nâng cao hiểu biết.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào các công trình lớn trên địa bàn huyện, đồng thời tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư cho các cơ sở dịch vụ.

- Công bố, công khai kế hoạch sử dụng đất các cấp đến từng xã, để mọi tổ chức, cá nhân biết và thực hiện theo quy hoạch.

- Triển khai thực hiện quản lý đất đai và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân theo quy hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai và các Nghị định, Chỉ thị, Quyết định,... của Chính phủ và các Bộ, ngành, của Tỉnh, Huyện có liên quan đến sử dụng đất để mọi người dân biết và tránh vi phạm Luật Đất đai.

- Hoàn thành hệ thống cơ sở dữ liệu về đất, cung cấp các thông tin về đất đai trên mạng, tăng khả năng tiếp cận thông tin về đất, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho tổ chức, công dân liên quan đến đất đai.

- Ưu tiên quỹ đất cho các nhu cầu phát triển như: thương mại dịch vụ, khu dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng các lĩnh vực: giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên cơ sở ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng và khai thác tài nguyên đất đai theo hướng bền vững và có hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý xây dựng trên địa bàn, xử lý những trường hợp xây dựng không phép, trái phép; lấn chiếm đất đai bất hợp pháp; kiên quyết thu hồi diện tích đất sử dụng sai mục đích quy hoạch.

- Giải quyết tốt việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các công trình, dự án. Ưu tiên thực hiện các dự án tái định cư, để ổn định đời sống của người dân có đất bị thu hồi, tránh tình trạng nhận bồi thường nhưng phải chờ đất tái định cư. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đảm bảo thực hiện dự án theo quy hoạch.

4.4. Giải pháp khác

4.4.1. Giải pháp về khoa học công nghệ và kỹ thuật

Huyện Đắk Tô cần từng bước ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong việc lập và giám sát thực hiện kế hoạch, xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến phục vụ quản lý công khai công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Ứng dụng các công nghệ mới phù hợp vào công tác địa chính và quản lý đất đai, tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề tương thích với từng chương trình ứng dụng công nghệ mới.

Xây dựng mạng thông tin đất đai và khẩn trương nối mạng hệ thống các cơ quan quản lý đất đai từ tỉnh xuống đến các xã và các đơn vị có liên quan, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin của ngành và của người dân về quy hoạch sử dụng đất các cấp, các dự án.

Ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác lập kế hoạch sử dụng đất, nhất là các chương trình có tác dụng nâng cao năng suất - chất lượng công tác quy hoạch, giúp triển khai nhanh và đồng bộ về quy hoạch giữa các cấp.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; hoàn chỉnh hệ thống các chỉ tiêu làm cơ sở đánh giá việc sử dụng đất liên quan đến kinh tế - xã hội và môi trường.

4.4.2. Giải pháp tạo việc làm khi người dân không còn đất sản xuất nông nghiệp.

Huyện có chính sách củng cố phát triển kinh tế hợp tác, động viên những hộ nông dân không có đất hoặc ít đất sản xuất tự tạo việc làm bằng các ngành phi nông nghiệp như các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại quy mô nhỏ. Bên cạnh đó phát triển và mở rộng quy mô các hợp tác xã, các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp ở nông thôn, để thu hút thêm số lao động không có điều kiện làm thuê, tăng thu nhập.

Đào tạo nghề và tổ chức các lớp hướng nghiệp dạy nghề cho con em nông dân nghèo đến tuổi lao động, tạo điều kiện cho các hộ nông dân có hợp đồng đầu ra ổn định, nhằm hạn chế số lao động dư thừa ở nông thôn và giúp các hộ nông dân nghèo không có đất thoát nghèo.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô được xây dựng đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về ký hiệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất.

Kết quả của dự án kế hoạch sử dụng đất thể hiện được chiến lược sử dụng đất đai của huyện, chi tiết đến từng loại đất sử dụng và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã nên có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái của huyện cả trước mắt cũng như lâu dài; đồng thời là công cụ quan trọng để các xã trong huyện thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Nhà nước về thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo kế hoạch và pháp luật.

Một trong những ưu điểm kế hoạch sử dụng đất của huyện là đã xử lý, tổng hợp được hầu hết các nghiên cứu, đề án và phương hướng phát triển của các cấp, các ngành ở cả trung ương, tỉnh và địa phương... Trên cơ sở cân đối hài hòa cả mặt định tính và định lượng giữa các nhu cầu và khả năng đáp ứng về đất đai, xây dựng nông thôn và phát triển của các ngành kinh tế, mang tính khả thi cao.

Phân bố hợp lý dân cư, lao động cũng như hệ thống giao thông, thủy lợi, khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, tạo điều kiện thuận lợi để đảm bảo yêu cầu giữ vững quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội và phát triển đồng bộ các ngành kinh tế.

Đất khu dân cư được cân nhắc cho từng vùng, từng khu vực, đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương.

II. KIẾN NGHỊ

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND huyện Đắk Tô kính đề nghị UBND tỉnh sớm phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Tô để UBND huyện Đắk Tô có cơ sở triển khai thực hiện đúng tiến độ, đưa công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương ngày càng tốt hơn.

**HỆ THỐNG BIỂU TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2022 CỦA HUYỆN ĐẮK TÔ**

TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 của huyện Đắk Tô
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của huyện Đắk Tô
3	Biểu 06/CH	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô
4	Biểu 07/CH	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô
5	Biểu 08/CH	Kế hoạch thu hồi đất năm 2022 huyện Đắk Tô
6	Biểu 09/CH	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2022 huyện Đắk Tô
7	Biểu 10/CH	Danh mục công trình thực hiện trong năm 2022 huyện Đắk Tô

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	5
1.1. Điều kiện tự nhiên	5
1.2. Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	8
1.3. Phân tích hiện trạng môi trường.....	13
1.4. Đánh giá chung.....	15
1.5. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội.....	15
1.6. Đánh giá chung.....	27
1.7. Biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất.....	29
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC ...	30
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	30
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	40
2.3. Đánh giá nguyên nhân tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	46
III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	47
3.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành lĩnh vực	47
3.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	66
3.3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	81
3.4. Diện tích đất cần thu hồi	82
3.5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	85
3.6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch.....	87
3.7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	76
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	89
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	89
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	89
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát kế hoạch sử dụng đất.	90
4.4. Giải pháp khác	91
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	92
I. KẾT LUẬN.....	92
II. KIẾN NGHỊ.....	92

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	30
Bảng 2: Danh mục công trình sử dụng đất trồng lúa	52
Bảng 3: Danh mục công trình sử dụng đất trồng cây hàng năm khác	52
Bảng 4: Danh mục công trình sử dụng đất trồng cây lâu năm	55
Bảng 5: Danh mục công trình sử dụng đất rừng sản xuất.....	58
Bảng 6: Danh mục công trình sử dụng đất nuôi trồng thủy sản	59
Bảng 7: Danh mục công trình đất nông nghiệp khác.....	59
Bảng 8: Danh mục công trình đất an ninh	61
Bảng 9: Danh mục công trình đất cụm công nghiệp	62
Bảng 10: Danh mục công trình đất thương mại, dịch vụ.....	62
Bảng 11: Danh mục công trình đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	63
Bảng 12: Danh mục công trình đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.....	63
Bảng 13: Danh mục công trình sử dụng đất giao thông	64
Bảng 14: Danh mục công trình đất giao thông	65
Bảng 15: Danh mục công trình sử dụng đất thủy lợi.....	66
Bảng 16: Danh mục công trình đất thủy lợi.....	67
Bảng 17: Danh mục công trình đất cơ sở văn hóa.....	67
Bảng 18: Danh mục công trình sử dụng đất cơ sở giáo dục - đào tạo	68
Bảng 19: Danh mục công trình đất cơ sở giáo dục đào tạo	68
Bảng 20: Danh mục công trình sử dụng đất cơ sở thể dục – thể thao	69
Bảng 21: Danh mục công trình sử dụng đất năng lượng	69
Bảng 22: Danh mục công trình đất năng lượng	70
Bảng 23: Danh mục công trình sử dụng đất ở tại nông thôn	71
Bảng 24: Danh mục công trình đất ở tại nông thôn.....	72
Bảng 25: Danh mục công trình sử dụng đất ở tại đô thị.....	73
Bảng 26: Danh mục công trình đất ở tại đô thị.....	74
Bảng 27: Danh mục công trình sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan	75
Bảng 28: Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Tô	78
Bảng 29: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng	81
Bảng 30: Diện tích các loại đất cần thu hồi	82
Bảng 31: Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	85

PHỤ LỤC